

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

HIỆN-TÌNH KINH-TẾ DÂN-QUÊ

Dời đang cạnh-tranh sống mái với nhau về kinh-tế về miếng ăn. Muốn thắng phải có cái khi-giới hơn người. Khi-giới hơn người tức là những kỹ-xảo thần-diệu về các nghề-nghiệp vậy. Ấy thế mà dân-tộc Việt-Nam hầu một thế-kỷ nay, đối với nhất-thiết nghề-nghiệp làm ăn, vẫn y-nhiên vụng-về hủ-bại như mấy nghìn năm trước. Đã không có cái gì đủ để mà cạnh-tranh, thì thế tất phải thua, kinh-tế ngày một tiêu-diệu, sinh-nhai ngày càng quǎn-bách, là lẽ cố-nhiên.

Thế cho nên trước hồi kinh-tế của thế-giới chưa bị khủng-hoảng, thì cuộc dân-sinh trong xứ cũng đã hằng ngày hiện ra nhiều cái hiềm-tượng lắm rồi. Kế đến từ bốn năm năm lại đây, vạ kinh-tế khủng-hoảng tràn vào, đường sinh-hoạt của nhân-dân mỗi năm lại sụt xuống một độ có thể trông thấy như độ thủy-ngân bị sụt ở trong ống hàn-thử-biểu cắm vào cốc nước đá vậy. Hiện nay trong xã-hội Việt-Nam cuộc kinh-tế

đang bị quǎn-bách, ở nhà quê lại còn nguy - ngập hơn ở kê-chợ. Nhưng trước mắt các nhà kinh-tế-học thì lại thấy cái tình-trạng ở kê-chợ rõ hơn là ở nhà-quê. Là vì các nhà kinh-tế-học quen cái lối nghiên-cứu như ở Tây-phương, là chỉ chuyên xét ở những cái biểu-thống-kế về số phá-sản của nhà tư-bản, số thất-nghiệp của bọn thợ-thuyền ở thành-thị mà thôi. Nếu ở đây mà xét bằng cách đó thì quyết không đúng. Ở đây mà xét bằng một cách đó thì chưa thấy có gì là kinh-tế khủng-hoảng, hay là cũng gọi cho là có khủng-hoảng thì cũng là khủng-hoảng xoàng mà thôi. Bởi vì lấy những con số phá-sản cùng thất-nghiệp ở thị-thành đây mà so với bên tây thì chưa lấy gì làm đáng quan-tâm cho lắm.

Phải biết rằng gốc kinh-tế của xã-hội Tây-phương là ở thị-thành, ở công-nghiệp, thương-nghiệp. Cuộc dân-sinh toàn-quốc hằng ngày quan-hệ cả ở đó, lúc thịnh lúc suy đều chỉ xét ở đó cũng đủ

hiều. Đến như xã-hội Việt-Nam thì lại khác, cái gốc kinh-tế của xã-hội Việt-Nam là toàn ở thôn-quê, ở nông-nghiệp. Còn như các việc công-thương ở thành-thị, tuy gần đây cũng có vẻ phát-đạt, nhưng phát-đạt hơn trước kia nó chưa có tí gì mà thôi. Cuộc sinh-hoạt của thành-thị, của toàn-quốc dân-sinh, bao giờ cũng vẫn do tự nhà quê đưa đến cung-cấp. Nhà quê là cái suối mà thành-thị là cái hồ, cái suối này lại chảy dốc, cho nên có khi nhà quê hết nước uống rồi, mà thành-thị vẫn còn nhiều nước lợi (1).

Thế cho nên muốn hiểu-thấu cái tình-trạng kinh-tế ở đây, không nên một xét ở nơi thành-thị, mà cần phải xét đến chỗ nhà quê, mới thấy cái hiểm-tượng đáng lo sợ.

Toàn-quốc công-tư sống về nghề nông, ngày nay sưu-thuế nặng, chi-phí tốn hơn cổ-giả nhiều, mà cách làm ruộng vẫn giữ nguyên cái lối «khảo đất lấy thóc», đã không biết dùng phép mới, lại lười-biếng hơn xưa, nên sự thu-hoạch cũng không tăng thêm lên được. Được một hời hơn 10 năm giá thóc cao, đường sinh-hoạt của nhà nông cũng đỡ khốn-đốn. Việc

công-thương ở thành-thị cũng nhờ đó mà có vẻ khôi-sắc.

Song thóc tuy giá cao, nhưng những nhà tiểu-nông cũng vẫn không có vốn sẵn để làm ăn mà phải đi vay, đến lúc được hết thóc thì đem trả nợ, thành-thử cái lợi thóc cao chỉ nhà giàu được hưởng mà thôi. Chứ chính làm ra cái lợi ấy là ở các nhà tiểu-nông thì họ vẫn túng-bần.

Nay giá thóc hạ mãi xuống, hạ xuống đến quá dưới cái vốn bỏ ra ăn làm, thì biết họ khốn-đốn là dường nào!

Một năm tuy cấy được hai vụ, nhưng vụ chiêm từ xưa vẫn gọi là «đổi hạt» nghĩa là không có lãi, bỏ ra làm hết bao nhiêu thúng, thì lại thu về được từng ấy thúng mà thôi. Vì làm chiêm khó-khăn tốn mất nhiều công quá. Các đồng, máy nước đều không, ngòi lạch lại ít, việc tát nước cấy chiêm gọi là «đồ-ái» là một việc rất vất-vả. Ruộng lúa chiêm lại lắm cỏ, công làm cỏ cũng mất nhiều như công «đồ-ái». Vì thế vụ chiêm, nhà giàu chỉ cấy vài mẫu cho vui nhà, còn phân ra cho nhà nghèo không ruộng cấy thuê cả. Nhà nghèo có xin được dăm sào một mẫu chiêm thì mới đi vay được mà có cơm

(1) Ngạn ngữ : « Nước lợi thì có, nước uống thì không ». Đó là lời nói ví. Vì như tiền tiêu vô ích thì phát lo, mà tiền nuôi thân thì không có, cũng như khi lụt, nước bần, làm-lợi thì nhiều, mà nước trong uống được thì không có.

ăn việc làm. Đến khi được thóc trả nợ, trả thóc thuê ruộng hết, thế là làm mướn không công. Như thế là vụ chiêm không phải là cái nguồn sinh-lợi rồi, nhà nông chỉ nhờ có vụ mùa mà thôi. Ăn mặc, sưu-thuế, đóng góp quanh năm trông cả vào đó. Cứ cái cách của nhà làm ruộng giỏi, và ruộng tốt, thì ruộng mùa có thể lãi gấp đôi được. Như tính theo thùng thóc, vốn làm tất cả mỗi mẫu, tiền nộp thuế tiền làm ăn cộng hết 20 thùng, thì thu-hoạch được 40 thùng. Thế là lãi 20 thùng. Lại tính theo giá thóc trung-bình về năm chưa mất giá, thì mỗi thùng là 0 \$ 80. Trong một làng, nhà cấy mười mẫu là hạng hiếm rồi. Vậy nhà ấy mỗi năm lãi là 160 \$ 00. Thế mà nay giá thóc sụt xuống, tính trung-bình là 0 \$ 40 một thùng, thì nhà mười mẫu mỗi năm lãi có 80 \$ 00. Một nhà vào hạng số ít trong làng mà muốn giữ được vốn để làm ăn thì một năm chỉ được chi-tiêu có 80 \$ 00, ăn mặc đóng góp các khoản — không kể những khoản bỏ ra làm ruộng — thì sao cho đủ. Còn những nhà dăm ba mẫu và không ruộng thì nhiều. Coi đó thì biết cái hiện-tình nhà quê làm ruộng bây giờ là thế nào!

Giá thóc đã hạ thì giá súc-vật cũng đều hạ. Trước kia nhà làm ruộng ngoài cái lợi cây cấy ra,

nhờ có cái lợi nuôi lợn, vừa có lãi vừa được phân. Vốn thì là bèo cám của nhà không phải mua. Mỗi năm vài lứa lợn cũng được món tiêu thêm vào. Nay giá lợn hạ mất quá nửa trước, mà liền năm lợn lại toi nhiều, đó lại là một sự khốn-dốn thêm nữa.

Đến như trâu bò, gà vịt, rau, cá, cũng đều hạ giá xuống một phần ba trước. Thành ra mấy cái lợi phụ cho nhà nông là mục-súc, hoa-mẫu cũng đều mất cả.

Trong làng tiêu-diều, vườn-tược toang-hoang, nhà cửa xiêu-đẹo, gián-hoặc có cái nhà ngói nhà lim nào thì bây giờ cũng đều gọi bán, giá hạ chỉ bằng cái số tiền công lúc làm nhà trước mà thôi. Không ai có việc công-tác gì, thợ mộc thợ nề năm dài nhịn đói ở nhà vô-số.

Ấy thế mà cuộc đình-đám ở nhà quê họ tuy có bớt chứ vẫn không bỏ dứt được. Nghĩ đi thì giận là họ hủ-lậu, nhưng nghĩ lại thì cũng đáng thương. Nghĩa là người ta quanh năm vất-vả mà không có lúc giải-trí thì phải héo-hắt đi mà chết. Thành-thị dù khùng-hoảng về kinh-tế đến đâu, kẻ nhà nghèo cũng được hưởng nhờ những cuộc vui của công-chúng. Ở nhà quê duy có cái đình-cổ-lỗ, mượn thần làm đầu nêu xôi thịt

cho được mỗi năm vài ngày làm cái thú giải-tri mua vui mà thôi. Lại chột ăn của người dọn trước thành nợ miệng không trả không được. Tân-học chưa phổ-thông, thú vui mới hay mà không hại tiền, nhưng ai bày ra cho. Vậy bảo họ không giữ lối hủ-bại cũ sao được. Bởi vậy mùa xuân năm năm nhiều nhà nghèo phải lo lệ làng, không vay đâu được. Hoặc có một vài thước vườn ruộng bán không ai mua. Từng quả bán con, nhiều người đưa đũa còn trai hay là con gái bé lên phố chợ bán lấy dăm ba đồng, mà coi ra cũng khó bán. Có anh con trai đã lớn cầm nổi cái cây tự đi bán mình làm con nuôi lấy 6\$00 về lo lệ làng. Thế mà giá ai có bảo họ bỏ cái lệ ác-nghiệt vô-nghĩa-lý ấy đi cho khỏi khổ, thì họ không những không dám nghe mà lại cho là xui dại.

Mấy năm nay, nhà nghèo không già được nợ, nhà giàu mất nhiều, nên cũng ít bỏ ra cho vay. Nông-phổ ngân-hàng là một trái-chủ có quyền-thế của Nhà-nước, mà nợ cũng bị đọng nhiều.

Còn vay thóc ở nhà quê thì phải có người bầu-chủ. Một người đứng

lên bầu-chủ vay một hai trăm thùng về phân-phát cho mỗi nhà nghèo dăm ba thùng. Lãi từ tháng ba đến tháng năm 10 thùng thành 18 thùng. Nếu vay đến tháng mười, thì 10 thùng thành 22 thùng. Ngoài lại phải chi tiền quả cho trái-chủ mỗi thùng hai xu, còn người bầu-chủ cũng phải có thù-lao gì đó. Thế nhưng bốn tháng nay mất mưa, vụ chiêm này mất thì nhà nghèo cũng chẳng lấy thóc đâu mà trả nợ.

Nhà nông đã không có tiền, còn lấy gì sắm-sửa, nên chợ búa cũng tiều-tụy, công-thương đều đình-dốn. Những chợ to ở nhà quê trước họp đông đến chiều, nay chỉ xào-xạc một lúc buổi sáng đã tan. Người đi chợ mặt võ mình gầy, áo quần rách rưới là số nhiều.

Tuy thế nhưng ở nhà quê dù khổn-khó đến đâu, cũng chỉ rên-rỉ trong mồm chứ không gầm-gào ra ngoài miệng, dúi thì nằm bẹp chứ không chạy kêu như dân thất-nghiệp bên Tây, nên không mấy người biết tới. Đó cũng là nhờ được có cái tinh di-truyền lãnh-hiễn và ăn hèn ở khó đã quen.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

CHÙA BÚT THÁP

LĂNG KINH - DƯƠNG-VƯƠNG (1)

Bấy lâu vẫn nghe nói chùa Bút-tháp ở hạt Bắc-ninh có nhiều dấu cũ về mỹ-thuật như nghề chạm gỗ, nghề tạc tượng. Trường Kỹ-nghệ thực-hành Hà-nội thường phái học-sinh ban đồ gỗ về lấy kiểu. Lại một pho tượng Quan-âm « nghìn mắt nghìn tay » bằng bột thạch-cao để ở trên gác nhà bảo-tàng Viễn-dông bác-cổ Hà-nội là nặn theo đúng cái hình pho tượng Quan-âm của chùa Bút-tháp đó.

Do hai việc đó cũng đủ chứng rằng chùa Bút-tháp có cái giá-trị về mỹ-thuật xưa. Chúng tôi vẫn định về thăm cho biết cả toàn-thể chùa ấy thế nào. Bỗng hồi đầu tháng Avril năm 1934 tôi lên Hà-nội chơi gặp ông Nguyễn Thế-Xương ở tòa soạn báo Nam-phong, ông là cựu Tổng-sư người hạt Bắc-ninh cũng ở gần chùa Bút-tháp, nói với chúng tôi rằng một làng gần đấy có lăng đức Kinh-dương-vương. Ông mời chúng tôi về thăm hai nơi đó.

Nghe ông nói, chúng tôi ngạc-nhiên ! Lăng đức Kinh-dương-vương ở ? Một cái dấu cũ hơn bốn nghìn năm, cái dấu cũ có quan-hệ với quốc-sử, nhưng

sao từ sử sách cho đến khâu-truyền đều không thấy nói có lăng đức Kinh-dương-vương ở vùng ấy bao giờ ?

Ông Xương quả-quyết là ông đã được tới nơi, nhưng vì ngẫu-nhiên mà tới, không có ý khảo-cổ, nên không hỏi kỹ, nay xin dẫn đường để chúng tôi về thăm và xét hỏi cho tường.

Chúng tôi lấy làm mừng-rỡ, một chuyến đi mà xem xét được hai nơi dấu cũ cùng một vùng. Nhất là nghe nói đến lăng đức Kinh-dương-vương thì lại càng cảm-khích cho cái ý-tưởng về sử-học. Chúng tôi bèn định-trước với ông Xương cách mấy ngày sau sẽ về nhờ ông đưa đi thăm hai nơi cổ-tích đó.

Tối ngày 14 Avril 1934, tôi cùng ông Đông-châu, và M. Tùng-toàn ở Hà-nội sang Bắc-ninh, nghỉ ở nhà ông Đông-châu để mai đi sớm. Đêm ấy trời trở gió bắc và mưa phùn. Sáng mai gió càng to, mưa càng nặng hạt, độ lạnh càng thấy tăng, nhưng thấy trời lúc u-âm lại lúc quang, mưa lúc mau lại lúc thưa. Hồi đường thì từ tỉnh-thành Bắc-ninh đến Bút-tháp

(1) Sau khi đi thăm lăng đức Kinh-dương-vương, về Bắc-ninh chúng tôi nói chuyện với ông Vũ Bắc, ông Vũ Bắc sốt-sắng viết một bài đưa cho người bạn gửi đăng các báo để giới-thiệu việc này cùng quốc-dân, người bạn lại sửa chữa đi sai với sự thực. Nay chúng tôi nhắc lại duyên-cớ ấy là để độc-giả Nam-phong biết rằng bài du-ký này không phải là phóng lại cái tin của các báo chứ nào có phải như việc thám-hiêm ở Bắc-cực hay là việc đào được cổ-khí gì mà muốn khoe-khoang nhắc lại để giữ quyền lợi. — Lời tòa soạn.

chúng độ hơn 20 cây số. Chúng tôi quyết thuê xe tay, che mui và cánh gà mà đi không nề gì mưa gió, vì ai nấy đều bận công việc, dứt ra được một vài ngày hẹn ước nhau cùng đi chơi được không phải là dễ. Cho nên tuy mưa gió sập-sùi, chúng tôi cũng ra đi, không chịu để cuộc phóng-cò này đến hẹn khác.

Đường đi qua hạt Tiên-du xuống Đò-hồ. Bắc-ninh từ cổ vẫn có tiếng là phồn thịnh, dân-khí vũ-dũng, nghề nông-tang thịnh-vượng, mà nay trông xem hạt này, làng mạc hai bên đường cũng ra vẻ tiêu-diêu lắm. Bên những cái đình thấp rạp tồi um thường nhô ra một vài cái nhà gianh xiêu-veo. Người qua lại bên đường phần nhiều mặt võ mình gầy, áo quần lam-lũ, không kém gì cái cảnh-sắc liềm năm thủy潦 như những hạt xứ Đông. Nhất là lác-đác thấy có một vài cái điền-trang tục gọi là đồn-diền ở bên đường. Điền-trang này là do những nhà tiểu-nông mới bán hoặc mới gán nợ cho nhà giàu, mà góp lại lập nên, nó không phải như những điền-trang ở châu rừng ven bể bởi công khẩn-hoang mà thành. Cho nên ở trung-châu Bắc-kỳ, hạt nào mà có nhiều điền-trang là đủ chứng cho cái cuộc dân-sinh ở đó gần nay tiêu-tụy là thế nào.

Năm nay mấy tháng mất mưa, lúa chiêm đầu dãy đều không có nước dưỡng. Hạt này có nhiều cánh đồng lúa chiêm lớn, cây lúa đã lớn mà chịu bỏ chết khô vì không có chỗ tát. Thóc đã đang mất giá, vụ chiêm đến đây lại mất mùa không có thóc, thì rồi không biết dân-tinh sẽ đến thế nào.

Xe đi 10 cây số thì đến làng Tư-vi, liền với Chi-nội là làng ông Xương. Gió vẫn không ngớt, mưa càng mau hột tạt cả vào trong xe, độ lạnh càng

thấy tăng. Chúng tôi xuống xe thì vừa gặp ông Xương ra đón, vào thăm nhà ông ở gần đấy rồi lại ra đi ngay. Hai cây số nữa thì đến đò Hồ tức là một khúc sông Thiên-đức. Sang đò lên đến đê thì trông thấy làng Hồ, tên chữ Hán gọi là Lạc-thổ 樂土, là một làng kỹ nghệ có tiếng ở Bắc-kỳ, có nghề làm vàng giấy và đồ mã; nhưng có công bổ-trợ cho sự nhi-dồng giáo-dục ngày xưa là nghề in tranh bán cho trẻ con chơi tết. Còn nhớ thuở tôi còn bé cứ tết đến mẹ tôi mua cho mấy tờ tranh Hồ về dán vách là tôi thích đáo-đề, quà bánh quần áo gì tôi cũng không thích bằng.

Những bức tranh nhỏ ấy có đủ cả các loài. Quốc-sử thì như Đinh Tiên-hoàng cờ lau tập trận, Đổng Thiên-vương ngựa sắt đánh giặc Ân; ái-tình thì như Tống-Chân, Cúc Hoa, Đặng Xuân, Hồng-nương; thể-thao và giải-trí thì như đánh vật, đánh cá, chọi trâu, kéo gỗ v. v.. Lại những tranh về gia-chính như lợn nái, gà mái, trâu bò cày bừa, cối đám cối xay đủ cả. Tranh hoạt-kê thì lấy những câu ngạn-ngữ ra vẽ như công rắn cắn gà nhà, mò cha chẳng khóc khóc đồng mỗi v. v. Ngày nay xem lại thì những bức tranh đó ý-tư vốn hay, mà nét vẽ thì vụng-về lắm. Thế mà bấy giờ nó đối với chúng tôi thật là cái quà « ơn-huệ của trẻ con » mỗi năm một lần nó đến, không những cho chúng tôi giải-trí, mà lại cho chúng tôi khai-trí nữa. Là vì bấy giờ trong học - đường chưa có sách giáo-khoa có vẽ hình và có những bức tranh tinh-xảo như bây giờ.

Tuy thế, nhưng tính trẻ bao giờ cũng vẫn thích chơi tranh, nếu người làng Hồ ngày nay biết tùy thời tiến-hóa, lấy phép vẽ mới mà vẽ lại những thứ tranh cũ ấy, giấy cho tốt, màu cho đẹp hơn để làm quà khuyến-học cho

trẻ, bán quanh năm, có thể phát-đạt được. Vừa giữ được nghề-nghiệp, vừa giữ được cái chức-trách giáo-dục của tổ-truyền. Không thế thì đến khi quốc-dân khai-hóa, lòng mê-tin tiêu-diệt, vàng giã, đồ mã không ai dùng nữa, nếu nghề in tranh mà vẫn còn vụng-về thì cũng thất-bại nốt, cả làng sẽ bị thất-nghiệp.

Không có thì giờ, chúng tôi không vào lăng Hồ, liền cho xe đi theo đường đê, ước tám chín cây số nữa thì đến chùa Bút-tháp.

Đứng trên bờ đê trông xuống, một khu lầu cao quán thấp xúm xít vây bọc lấy nhau cũng đủ tưởng-tượng thấy cái buổi thịnh-thời của chùa Bút-tháp rồi. Kịp đến cửa chùa, sân tiền-đường cuộc làm ruộng khoai, nóc tiền-đường ngói xô gần hết phải phủ bằng lá, trông rêu cửa mốc, vẻ tang-thương bày ngồn-ngang ra trước mắt, khiến lòng khách sững-sốt không ngờ.

Bấy giờ hơn 12 giờ, gió đã im, mưa cũng ngừng, thế mới biết làm cái gì mà dẫn lên được cũng hay. Chúng tôi vào chùa nghỉ-ngoi, trước khi đi xem xét phải dùng đến nhiều sức óc, chúng tôi phải « làm chính-trị cái bụng » đã. Giờ lương thực ra, ăn uống xong rồi đi xem chùa.

Kiểu chùa này như hình chữ « đồ 田 », đây là kê cả những nền hành-lang cũ, trước cửa chùa trông ra, cái tam-quan là nét ngang dưới cùng, cùng với ba mặt hành-lang liền nhau, hai bên và đằng sau là cái khung vuông chữ « đồ », hai dãy hành-lang hai bên, nay đã đổ mất non nửa, chỉ còn mỗi bên 27 gian mà thôi; dãy sau thì 9 gian. Còn lầu nhà ở trong là những nét ở phần trong chữ « đồ ». Qua tam-quan đến cái gác chuông, trên gác thờ tượng Đế Thích và treo chuông. Qua gác

chuông đến tiền-đường, lại qua một cái nhà cầu và hai cái giải-vũ thì đến thượng-diện chỗ thờ Phật. Thượng-diện mở cửa hậu, trên cửa có cái động, ở cửa động đi bậc đá xuống thì đến cái lầu « Cửu-phẩm liên-dài », lại cách đó một cái sân nhỏ thì đến cái cung thờ hai Công-chúa họ Trịnh. Trong tam-quan có biển đề đọc ba chữ « Đệ nhất sơn 第一山 ». Từ tam-quan đến cái cung, thế-thế đều sáng-khải hơn các chùa, ba mặt sau của thượng-diện đều xây hè đá cao, lại có cầu-lon đá chạm con giống.

Cách thờ ở chùa này, tượng bày tán-mạn ra nhiều nơi, chứ không theo cái thống-hệ như các chùa khác. Tượng chùa này kê cũng đã khéo, phần nhiều đắp bằng đất. Ở tiền-đường có hai pho hộ-pháp đắp đất cao đến chín mươi thước, nhưng một pho khi nhỏ hơn và nét dáng không được khỏe như pho kia, hỏi ra thì là tượng cũ bị đổ mà mới đắp lại.

Cái động đắp ở cửa sau thượng-diện vừa chật hẹp vừa tối tăm. Những tượng nhỏ ở trên động có nhiều pho họa-dòng, nhưng nay gãy và mất đi nhiều. Nhà chùa nói thường bị những khách Tây Nam đến thăm chùa lấy đi cũng có. Còn những cái chỗ núi đắp trên động thì vụng lắm. Tượng người to mà hình núi nhỏ và chật, không hợp thế, trông như trò trẻ chơi.

Tượng gỗ có nhiều pho khá, pho Quan-âm mà trường Bác-cổ Hà-nói đã lấy mẫu thì bày ở gian bên thượng-diện đó. Từ bệ trở lên cao đến chín mươi thước. Tượng ngồi trên tòa sen, dưới tòa sen một con rồng cuộn mình ở trên đám thủy-ba trên mặt bệ và lấy đầu đội tay nâng cái tòa sen Phật ngồi ấy lên.

Các tượng Phật trong chùa, duy có tượng Thích-ca giáo-chủ là có người ra đời thật, còn đều là những vị do tư-tưởng bịa đặt ra để ngụ một nghĩa gì, rồi người đời sau mới đắp nên hình-tượng, để kể tri-tuệ tâm-thường để cảm. Pho Quan-âm « nghìn mắt nghìn tay » này tức là một vị nữ-thần về tư-tưởng của Phật-giáo. Phật-giáo nói có một vị nữ-thần hằng đi cứu khổ cứu nạn cho người đời, ngài có phép lạ vô-cùng, không chỗ nào không trông thấy, không việc gì không làm được. Nghĩa là ngài có thể soi xét khắp cả và cứu vớt được hết thảy. Tức là ngài có nghìn con mắt và nghìn cái tay. Bởi thế nhà chùa mới tạc nên một pho tượng đàn bà Ấn-độ có nhiều mắt nhiều tay, tục ta gọi là bà Mụ Thiện. Tượng bà Mụ Thiện chùa này coi ngộ nhất ! Kiểu người hùng-vĩ hoạt-động, một đầu ba mặt, trên đầu lại có một thân tượng nữa. Tay thì ngoài hai tay ở mình ra, sau lưng lại tua-tủa cầm vô-số cái tay nhỏ thành một vòng tròn như cái nong ; mỗi cái tay dài độ 5 tấc, giữa mỗi bàn tay chạm một cái mắt con, đó tức là tượng Phật thiên-thủ thiên-nhân.

Người tạc nên pho tượng này kẻ cũng đã khéo lắm, thế mà pho tượng nặn theo đề ở trường Bắc-cổ Hà-nội lại cũng đúng như thế không sai một tí gì, nét và tinh-thần đều như hệt. Thế mới biết cái nghề nặn tượng của người Tây phát-đạt lắm.

Ở tiền-đường có thờ tượng chúa Trịnh, không kịp hỏi chúa Trịnh gì, lại nhớ ở Quỳnh-lâm Đông-triều cũng có thờ tượng chúa Trịnh. Thế mới biết bọn chúa Trịnh là hóm và biết lo

xa. Lúc sống các ông thờ ông bụt đất nhà Lê để thụ oản chuỗi như cái mưu của Trịnh Trĩnh (1) đã xong ; nhưng các ông còn lo lúc chết sẽ thành ma đói, bèn tìm cách để người ghệ khói hương của ông bụt nhà chùa, mong bọn ngu-dân sẽ dâng cúng mãi mãi. Tâm-thuật những nhà chính-trị như thế, xảo-diệu biết bao !

Lại một cái lầu « Cửu-phẩm liên-đài » này cũng lạ. Một cái lầu ba gian cao ba tầng nóc. Giữa lầu từ mặt nền thông lên tầng trên, có một cái đài bằng gỗ hình bát giác, chia làm chín tầng, mỗi tầng chạm một thứ bụt và các hình-dáng khác. Trên đỉnh chạm bốn tượng Di-dà tiếp-dần đứng bốn mặt. Đài sơn son nét chạm thép vàng, nay nét vàng đã phai hết. Ngoài đài nơi mặt nền có lan-can gỗ ngăn cho người đứng xem. Có thang lên tầng nhì, ở đấy cũng có lan-can ngăn để đứng xem. Lúc có khách xem thì một người vào trong lan-can xoay cho cái đài ấy quay từ từ đi, đứng một chỗ mà xem được cả tám mặt.

Đồ gỗ chạm thì có nhiều cái khảm, cái hương-án, cái bệ, kiểu xinh mà nét khéo lắm. Có nhiều nét triện đơn-sơ mà tự-do nguyệtch-ngoạc không theo lối-lãng cũ nào, mà trông thực hay. Lối chạm gỗ này đem so với các nơi còn sót lại thì là kiểu Hậu-Lê.

Đá chạm thì có cái bia to đầu ngoài hành-lang, xung quanh bia chạm rồng, nét sáu mà tinh-tế sinh-hoạt.

Có hai cái tháp đá cao năm tầng. Một cái kiểu ta thì trơn, một cái kiểu Tàu thì mỗi tầng có mái giả, treo đỉnh-đang.

(1) Trịnh quốc-công Nguyễn Bỉnh-Khiêm xui bảo chúa Trịnh phù vua Lê, cũng như là giữ chùa rồi tự-khắc được ăn oản.

Xem lịch-sử thì cái qui-mô chùa này hiện còn đến giờ là do tự vị sư tổ trụ-trì thứ hai là người Tàu đời Minh, hiệu là Minh Việt 明越 sang tu ở đó, mà sáng-lập nên. Niên-hiệu sáng-lập là năm Phúc-thái thứ năm (1647) đời Lê Chân-tông. Ý-giả cũng vì nhà sư là người Tàu nên chùa có nhiều kiểu-cách lạ. Nhà sư trụ-trì đệ-nhất và nhà sư đệ-nhị này đều có danh lớn nên được vua chúa tưởng-lệ, ban Ngự-chế đại-tự và ban sắc đề dựng hai tháp. Nay trường Bác-cổ Hà-nội đã nhận làm một nơi cổ-tích đáng bảo-tồn, nhưng chùa đã bị nhiều nơi hư-hỏng, khi quan Đốc Bác-cổ là Au Rousseau còn nhậm-chức, đã xin Chính-phủ cho chở gỗ lim về để chữa lại. Hiện gỗ đã xếp ở hành-lang mà mấy năm nay chưa chữa. Lăng và sư bản-tự xin phép đứng ra chữa nhưng không được, là vì trường Bác-cổ sợ họ không biết cách chữa mà làm sai mất kiểu cũ đi. Còn sự đã định chữa mà chưa chữa là còn phải trừ tiền, kho nhà-nước hiện đang khủng-hoảng. Nhưng e rằng đề lâu không chữa như thế thì chùa sẽ đổ nát mà cổ-khí sẽ bị thất-lạc hủy-hoại đi hết.

Ngó tới nhà sư bản-tự thì xem ra người yếu-duối mà tri-độn lắm. Một cái cơ-đồ to-tát lại đang lúc suy-đốn ấy, Nhà-nước không kịp giúp cho thì họ cũng khó mà bảo-tồn được. Coi đó thì biết cuộc thịnh-suy của một nước nó ảnh-hưởng theo nhau khắp các phương-diện. Lúc thịnh thì không một phương-diện nào là không chịu ảnh-hưởng mà cùng thịnh. Lúc suy cũng không một phương-diện nào là không chịu ảnh-hưởng mà cùng suy. Mà lúc suy là nó hỏng ngay ở người trước.

Xem đồng-hồ đã hai giờ, chúng tôi già cảnh ra về để còn đến thăm lăng đức Kinh-dương-vương cho được sớm. Xe lại theo đường đê trở về lối cũ, qua vài làng thì đến Á-lữ 亞旅 là làng có lăng đức Kinh-dương-vương. Lăng ở ngoài bờ sông, mà miếu và đình thờ thì ở trong làng. Chúng tôi bèn vào làng xem miếu và đình trước để tìm cho được nhiều chứng-cứ. Đến đầu làng thấy một nơi đang có trống tể. Chúng tôi đoán là miếu thờ ngài, bèn rẽ vào, hỏi thì dân nói là tể đảo-vũ và nói: Nguyên trước miếu này ở nơi lăng ngoài bờ sông, nhưng gần đây sông lở, người ta phải bỏ đê cũ đắp đê mới vòng vào trong mà bỏ lăng ra ngoài đê, làng sợ lụt trôi mất miếu nên mới di vào đây, ở ngoài lăng bây giờ chỉ còn một cái bia và bệ đá thờ mà thôi.

Hỏi đến sự-tích thì dân làng nói đại-ước rằng: Lăng chúng tôi thờ đức Kinh-dương-vương đã từ thượng-cổ đến giờ. Chỉ biết nơi ngoài bờ sông gọi là lăng Ngài, ở đây lịch-triều vẫn có quốc-tể và làng vẫn có sai-phu được miễn đao-dịch. Một ông già trở cho chúng tôi xem hoành-phi và các câu đối thì có những chữ nói về Ngài, như « Nam-quốc thủy quân 南國始君 », « Nam bang thủy tổ 南邦始祖 » v. v. Nhưng mấy câu đối thờ ấy đều không có chữ nào nói gì đến lăng, chúng tôi không lấy những câu đối và hoành-phi chỉ nói về sự-ngiệp ấy đủ làm bằng-chứng. Vì có nhiều làng thờ vọng một vị thần nào thì cũng có những câu đối hoành-phi tán-dương sự-ngiệp được. Chúng tôi chỉ chú-ý về cái chỗ có quốc-tể đã lâu tức là các triều đã công-nhận và lập thành tự-diền, thì không phải là sự bu-truyền được.

Chúng tôi ngộ-ý muốn vào thăm đình rồi ra thăm lăng, lăng tưởng chúng tôi là

bọn quan-chức gì, bèn kêu là : « Các quan » và cử người đưa đi một cách kính-cần lắm. Tôi nghĩ thầm : Bọn mình vẫn ghét cái thói đội lốt hùm, nhưng nếu bây giờ mình bảo thực họ rằng chúng tôi là học-trò, vì mền cò-tích mà đi khảo-sát, thì sợ họ sẽ không cần mà bỏ mình không đưa đi nữa, lại càng lỗ việc ra. Thôi mặc kệ họ, cái đó là tự họ chứ không tự mình. Thế nhưng cũng vẫn tự lấy làm xấu-hổ, rồi cũng nhận mình là bọn đi phóng-cổ mà thôi.

Vào đình thì thấy đình cũng to, hoành-phi câu đối nói về su-nghiệp công-dức đức Kinh-dương-vương nhiều lắm, có nhiều câu đối chữ viết đã cổ lắm. Nhưng câu đối nào cũng đều không nói gì đến lăng, nên chúng tôi không biên làm gì. Hỏi cũng không có chứng-cứ gì hơn nữa, chúng tôi bèn ra lăng.

Lăng ở ngay bên chân đê, mé bờ sông Thiên-đức, địa-phận làng Á-lữ phủ Thuận-thành, Bắc-ninh. Trên một cái bệ đá đề bốn chữ to : « Kinh-dương-vương lăng 涇陽王陵 », bên cạnh có dòng chữ nhỏ : « Minh-mệnh nhị thập nhất niên sắc kiến 明命二十一年勅建 ». = Vua ban sắc lập lăng này là năm Minh-mệnh 21. » Nhà bia xây thành cái bệ gạch nhỏ và bốn bức tường con như kiêu cái cây hương của nhà thờ ông-dân. Hai cột đồng-trụ thì mới bị bão đánh cánh gao đổ làm gãy lạy. Xung-quanh lăng họ lấy đất đắp đê đào thành hố chũng sáu hoắm. Người làng nói ở đây trước là một cái mương lớn, nhiều cây cối um-tùm. Chiều tối kẻ nhát gan một mình không dám vào. Từ năm đắp đê mới này, bọn thầu đê cho phu chặt cây phá bụi làm củi, dân làng giữ không được, nên bây giờ mới quang đi như thế này.

Xét năm Minh-mệnh 21, nhà vua ban sắc sửa đền tu lăng cho các đế-vương lịch-đại khắp trong nước, và lập bia sắc-kiến như sắc-kiến lăng Đinh Tiên-hoàng, sắc-kiến lăng Hùng-vương v. v. cũng đều năm ấy. Thần-tích các lăng có nhiều điều ngoa-truyền, nhưng phạm chỗ nào đã ghi vào tự-diễn, có quốc-tế từ lịch-triều, tất là cổ từ cổ có nhiều chứng-cứ xác-thực cả. Còn sắc kiến từ đời Minh-mệnh là theo trong tự-diễn mà mỗi nơi lại tu sửa lăng miếu lại và lập bia đề tỏ lòng Triều-dình kính mến, chứ không phải là trước chưa có lăng miếu gì, mà đến bây giờ mới biết mà lập lên. Duy ngay xưa gọi nước là thiên-hạ, chưa có chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa dân-tộc, đối với Kinh-dương-vương, Hùng-vương, Triều-dình chỉ coi là những vị cổ đế-vương mà không nhận là những đấng quốc-tổ gây dựng đất nước giống nòi, nên mỗi triều nhờ đến ban tế đã là hậu lắm rồi. Mà ban tế như thế không phải là vì nước cảm ơn mà chính là cầu đê ám-phủ cho Triều-dình đó thôi. Còn dân làng thì nhân có dấu cũ bèn thờ làm vị thành-hoàng của một làng, không can-hệ gì đến làng khác. Cho nên lăng nào thờ thần có quan-hệ với quốc-sử mà làng ấy to và giàu, giở ra đình-dám lớn, nhiều trò về vui như làng Gióng thờ Hồng Thiên-vương, thì cả nước mới biết đến. Còn làng nào tuy việc thờ có di-tích quan-hệ với quốc-sử, nhưng làng nhỏ và nghèo không hay có đình-dám trò về gì to, thì dù người làng bên cạnh cũng không ai hỏi đến làm gì. Xét những cơ ấy thì lăng đức Kinh-dương-vương đây sở-dĩ ít người biết đến là vì thế. Họ Hồng-bàng bắt đầu khai-thác từ miền thượng-đư sông Hồng-hà đất rộng ra đến 15 bộ, đời

thứ ba Hùng-vương định đô ở Phong-châu nay là tỉnh Phú-thọ. Làng Á-lữ này đối với Phú-thọ cũng không xa gì, thì lăng đức Kinh dương-vương ở đây cũng không lấy gì làm lạ.

Xét như vậy thì dấu di-hài của đức quốc-tổ đệ-nhất khai-thác ra đất nước này, truyền đời cho con cháu hai mươi triệu ngày nay là ở đây thật. Thế thì nắm đất này là một nơi thiêng-liêng quý-báu của chúng ta biết là dường nào! Mà sở-dĩ giữ gìn được như thế là nhờ ở làng Á-lữ này. Từ thời-dại bị bắc-thuộc, non sông nghiêng đổ, cơ-tiê tan nát, thì riêng làng này người ta vẫn giữ-gìn phụng-sự chốn tôn-lăng này. Đến hồi lập-quốc, các triều vua mới biết đến, ghi vào tự-điền và dâng lễ quốc-lễ, trừ dao-dịch cho làng để quét dọn chốn tôn-lăng. Như vậy thì người Việt-Nam cũng không phải là toàn mọi rợ hay vong-hồn cả đâu. Chỉ vì cái tính cầu-thả, cái lượng hẹp-hòi, biết đến rồi thì cũng lại chỉ coi như di-phần của một vị cồ-đế-vương thường, gọi là đã có tổ chút lòng kính mến thì thôi. Còn phó mặc cho chỗ thôn-quê cứ tồn tục cùng tẻ. Nên ngày nay mới đến cái nông-nôì thê-lương tiều-tụy như thế này.

Một vùng cát bồi cổ ấy, gió hiu hiu thổi, bóng xế-xế tà, một tấm bia soàng-sinh ẩn dưới vài cây gạo khẳng-khiu. Ấy nơi tôn-lăng đức Quốc-tổ của chúng ta đây. Chúng ta là người nước văn-hiến đã lâu đời kia đây! Tự nghĩ thực lấy làm xi-nhục vô cùng! Ôi, thực là mình tự diệt mình, trời có thù ai!

Ngày nay thế-giới văn-minh, nhân-loại xô-dẩy, chủ-nghĩa dân-tộc càng thịnh-vượng, dấu vết của dân-tộc đều phải bảo-tồn sùng-bái. Tưởng đồng-bào .0 triệu không nên coi những nơi gốc tích như thế này là chỗ thờ cúng riêng của một làng nữa mới phải, phải nên chú ý mà tu-tạo lại cho tôn-nghiêm mới phải.

Đang nghĩ vân-vơ thì trên mặt đê đã thấy một đám đông có mấy lá cờ và một cái long-dinh ở miếu rước đến. Trong long-dinh có một lọ nước, một ông già bưng vào trước cái bia thập hương khăn vái, rồi cầm lọ nước giới vào bình hương, nước chảy ra bê lênh-láng. Hỏi thì nói là đảo-vũ đã đắc-vũ, nên làm lễ tạ, giới nước làm phép. (?) Minh cau mày đứng trông nhàu mà tự nghĩ: Thế ra thần ở nước này đắc-lực nhiều việc thật. Nào đã dực-bảo trung-hưng cho nước, lại trừ tai nạn hoạn cho dân. Như việc đảo vũ này, trước cúng sáu ăn, không mất mấy mà được mưa thì lợi nhều. Không trách họ không cần phải khai kênb. đặt máy nước cho thêm phiền! Mới biết trí-thức pbd-thông của nhân-dân ngày nay vẫn y-nhiên nghìn xưa không lay chuyển tí nào.

Đoạn rồi bọn người làng Á-lữ vui mừng, lại rước cái máy «bom» vô-hình và thiêng-liêng ấy về miếu, thì chúng tôi cũng từ tạ nơi sơn-lăng đức Quốc-tổ về.

ĐỒ NAM





VÌ SAO TÔI CÚP TÓC ?

Trả lời câu phỏng-vấn của đại-biểu báo Phụ-nữ tân-văn là có Nguyễn Thị-Kiểm và ông Nguyễn Đức-Nhượng đi du-lịch và khảo-sát hiện-tình phụ-nữ Trung-kỳ tháng Mai 1934.

Bản-chí tiếp được bài « Vì sao tôi cúp tóc ? » của bà Huỳnh-thị Bảo-Hoa ở *Tourane* gửi ra cho. Bài này bà Huỳnh-thị trả lời cuộc phỏng-vấn của báo Phụ-nữ tân-văn Sài-gòn về có sở-dĩ vì sao mà bà cúp tóc. Trong bài bà giải bày đủ mọi điều ích-lợi cho nữ-lưu ta về sự cúp tóc, ích-lợi về tinh-thần, về vệ-sinh, về vận-động, về mỹ-thuật. Bà Huỳnh-thị có nói đại-ý việc cải-tạo phụ-nữ ta hiện-thời không những về quyền-lợi về trí-thức, mà về hình thức cũng phải quan-tâm cải-cách. Song những việc còn phải thỉnh-cầu thì còn phải đợi, chỉ bằng những việc thuộc về quyền tự-do của cá-nhân ta nên làm trước. Bà Huỳnh-thị nói thế là đã biết cái phương-pháp cải-cách. Chúng tôi rất lấy làm chú ý về chỗ đó.

Chúng ta phải sống với thời-gian, thời-gian thay đổi ta cũng phải đổi thay. Nhưng đổi thay cũng phải tùy tự sức ta có thể làm được thì làm mới có hiệu-quả. Vậy về nữ-giới cũng như về nam-giới, về hình-thức cũng như về tinh-thần, cái gì đổi mới mà có ích-lợi thật và có thể làm sớm được, thì ta đều nên kịp thời mà làm đi.

Bà Huỳnh-thị là một nhà nữ-học có giá-trị ở Trung-kỳ, đã có bài diễn-thuyết về vấn-đề « nhân-cách phụ-nữ » đăng ở bản-chí số 191. Nay bài « Vì sao tôi cúp tóc ? » này là một vấn-đề có ảnh-hưởng về cuộc cải-cách của nữ-lưu, vậy bản-chí có mấy lời giới-thiệu cùng độc-giả.

N. P.

*
*
*

Tôi khởi sự cúp tóc từ đầu năm 1933, đến nay đã hơn một năm rồi, nhưng tôi chưa hề có đem sự này ra nghị-luận cõ-dộng lên các báo chí. Vì bản-ý tôi muốn tự-khiêm, và có ý đề cho chị em nữ-giới ta có mắt thấy, có tai nghe, có trí phán-đoán điều ích-lợi phải trái,

mà phê-bình, mà thi-hành, không cần phải ai bàn bạc cho thêm rườm rà. Và sự cắt tóc cũng có nhiều trường-hợp. Cũng có người vì chán cuộc đời mà cắt tóc rồi tự đem mình vào am thanh cảnh vắng tu-luyện lấy một phần riêng, hạng người cắt tóc như vậy thiết tưởng

không ai phải quan-tâm. Chỉ như người cắt tóc như tôi vì có ý-nghĩa và có thể gọi là cắt tóc để vào đời (đời cải-tạo), mục-dịch có khác với người cắt tóc chán đời, vì lẽ có khác cho nên có người chắt-vấn, đã có người chắt-vấn, tất phải có lời đáp lại, ấy là lẽ tất-nhiên.

— Vì sao mà tôi cúp tóc ?

— Cúp tóc ngắn có hai điều ích-lợi :

1) Thực-hành một phần hình-thức về vấn-đề phụ-nữ cải-cách.

2) Cho được tiện-lợi cả linh-thần và vật-chất, hợp phép vệ-sinh và không kém về phương diện mĩ-thuật.

Việc cải-tạo phụ-nữ ta hiện nay không những là chuyên về mặt quyền-lợi và tri-thức mà thôi, song-le về đường hình-thức và vật-chất cũng phải quan-tâm lắm nữa, quyền bình-đẳng, quyền tham-chính tất có ngày phải đạt đến mục-dịch, nhưng hiện nay các quyền ấy vẫn còn trong thời-kỳ lý-tưởng, và các quyền đó mà có thực-hành được thì cũng phải nại xin phải thỉnh-cầu, vì quyền đó ở người, mà người ta có cho thì mới được. Đến như sự cải-cách về hình-thức đây mới thực là quyền tự-do của cá-nhân, ta không phải khó-nhọc cầu xin ai cho mới được. Vì vậy cho nên, không những là một việc cúp tóc ngắn mà thôi, đến như các môn thể-thao, đi xe đạp, và cải-cách về phục-sức như áo mặc, giày đi, hiện nay tôi cũng đang tìm cách sửa đổi cho hợp thời. Xin ai chớ hiểu lầm rằng tôi làm thế cốt để lộ-dềm cho dung-nhan, nhưng thực thì tôi muốn thay đổi cho công-thương kỹ-nghệ được tiến-bộ, nhưng đây tôi chỉ giải nghĩa việc ích-lợi riêng về sự cúp tóc như qui-báo Phụ-nữ đã phỏng-vấn.

Kinh-nghiệm những sự thiệt-hại về tóc dài

Lúc tôi còn để tóc dài, trước khi ra đường phải mất thì giờ chải gỡ và bôi vôi đầu tóc cũng mất một giờ đồng hồ, mà có mau lắm cũng phải mất nửa giờ mới xong. Khi tắm gội thật là phiền phức và chải gỡ khó nhọc hơn hết, vì thế mà sự tắm gội ít lắm, thành-thử hóa ra người không được sạch sẽ. Khi đau ốm, lúc làm-sản không thể gội chải được, chặm trong ít bữa rồi tóc rối-mù và sinh ra chấy gàu khôn xiết kể, chỉ em thử tưởng-trong mà xem, sự cực khổ vì đầu chấy tóc rối không thể nói được.

Còn đang khi vào bếp-núc, làm bánh trái, hoặc là bồng ẵm con thơ, rủi vô-ý để tóc sờ xuống, thì làm cho lảng-túng bận-bịu hết sức, tay nào vẫn tóc, tay nào bế con ?

Ra làm nghề nông đi cấy cấy gồng gánh bưng đội mà đầu tóc vướng víu thì cực khổ biết bao ?

Làm thợ thuyền trong xưởng máy móc, nếu tóc dài vô ý vướng vào máy thì khôn toàn tánh-mạng. Tập thể-thao đánh tennis chơi ping-pong, cỡi xe đạp, nếu tóc dài lỡ sờ xuống thì làm ngán-trở ngược-nghịch biết bao ?

Khi đấu sức với ai lỡ bị người ta nắm tóc thì thất-thế vô cùng. Tóc bôi ra đằng sau ót, khi nằm ngời cần vương khó chịu, nếu vẫn tóc vào khăn như chị em Bắc kỳ thì nặng-nề và bực-bội lắm. Vì đầu tóc làm bận-bịu, lắm lúc linh-thần vì bực-bội mà sinh ra ủ-rũ, rồi có thể vì đó mà sinh ra bệnh-hoạn nữa.

Tôi suy nghĩ mãi, tự hiểu việc để tóc dài lướt-thượt đã không có ích, mà có thể làm ngăn trở sự sinh-hoạt của ta luôn luôn

Vả hiện-thời phụ-nữ các nước văn-minh trong thế-giới đều để tóc ngắn tất

cả. Nay phụ-nữ ta lẽ nào còn ngần-ngại không dám quả-quyết? Không có can-dảm làm một việc cải-cách rất có ích, rất hợp thời như vậy sao?

Còn một điều ngần trở lớn về phương-diện luân-lý buộc phải để tóc phòng sau khi báo hiếu trong lúc tang ma, nhưng tôi nghĩ sự hiếu là tự tâm chứ tóc dài hay ngắn thì có can-hệ chi? Nhưng còn dư-luận người đời dị-nghị thì sao? Ở một nước bán-khai như nước ta, trực-tiếp với một xã-hội, nhất là xã-hội phụ-nữ chưa tiến-hóa như ngày nay, mà trước khi muốn cải-cách một việc gì về tinh-thần hay là kinh-thức, thì cũng phải trải qua bao nhiêu sự trở-lực có thể làm sồn lòng rún chí. Vậy ta cần phải có đủ can-dảm và nghị-lực để mà đối-phó mà chiến-đấu, cái lợi-khí để chiến-đấu với trở-lực là lòng tự-tin, chí quả-quyết. Khi tôi đã nhất-định rồi, liền đem món tóc dài mượt đánh cống-hiến lười kéo sắc xén đi cho gọn-gàng và không để ý qua những lời dị-nghị, những con mắt trở-trố nhìn chòng-chọc vào cái đầu tóc ngắn của mình, mà thực-hành cho đạt được ý-chí. Ngày nay qui-báo phỏng-vấn, tôi rất vui lòng mà giải bày mọi điều ích-lợi, đáp lại qui-báo và trả lời chung cho các bạn phụ-nữ.

Sự ích-lợi sau khi cúp tóc ngắn

Sau khi tôi hớt tóc ngắn rồi, thấy mình được gọn-gàng mát mẻ, dễ gội dễ chải, tinh-thần khoan-khoái, thân-thể linh tươi, đến nỗi chị em quen biết bảo rằng tôi để tóc ngắn làm cho người thêm trẻ và dung-nhan lại bội phần lãng-liển. Nhưng sự thực, thì tóc ngắn, tiện cho khi đau ốm lúc sản-dục, khi làm-lụng, lúc nằm ngời đều khỏi những sự phiền-phức, năng gội chải hợp phép vệ-sinh, tóm lại thì cúp tóc ngắn có ích mà không có hại. Giả như các bà qui-

phái và các cô con gái khuê-các thiên về phương-diện mỹ-thuật, nếu để tóc ngắn thì tiện bề trang-sức lắm, vì tóc ngắn dễ chải, và muốn rẽ cách nào cũng tiện cũng đẹp, có thể tón thêm vẻ kiều-diễm hơn món tóc dài mà bụi vậy. Nếu chị em ai muốn uốn tóc quăn thì cũng hoàn-mĩ lắm. Nhưng theo ý tôi nghĩ thì nên để tóc suông tự-nhiên là hơn, vì uốn tóc quăn làm cho mất bản-chất thiên-nhiên, và tốn nhiều thì giờ vô-ích.

Khi trước cũng có nhiều người quá lo về sự cúp tóc ngắn, vì sợ tổn nhiều tiền trang-sức, điều này không quan-hệ gì, vì tốn tiền nhiều hay ít là tự ý mình, chứ không phải tự tóc ngắn mà tổn hơn.

Có nhiều người chị em thấy tôi tóc ngắn mà rặng nhuộm đen thì lấy làm khó hiểu mà hỏi? Tôi trả lời rằng tôi vốn không có ý phản-đối sự để răng trắng, và tán thành việc nhuộm răng đen đầu. Đen trắng gì cũng vô-hại cả, nhưng để răng trắng thì có lẽ hợp thời hơn, răng tôi vì đã chót nhuộm từ thừa còn thưa theo lệ cũ, nay đem cạo đi có hại mà không có ích gì. Cứ như lý-thuyết nhà y-học cho rằng lấy acide lấy răng làm cho lớp mẹn ngoài rặng hư đi mau rụng. Và răng đen nhờ có thuốc nhuộm mà rặng ít bị sâu ăn, và răng đen cũng có phần giản-tiện, vì vậy nên tôi không sửa đổi đó thôi.

Tóm lại việc tôi cúp tóc ngắn là có một tón-chỉ rất quang-minh, có lợi-ích rất mật-thiết đến sự sinh-hoạt, các hạng phụ-nữ qui-phái và bình-dân ta đáng lưu-lâm.

Và hiện nay đức đương-kim Hoàng-hậu Việt-Nam ta là người đáng làm gương cho hết thảy chị em nữ quốc-dân noi theo. Vì ngài cũng trang-sức bằng mái tóc ngắn.

HUYỀN-THỊ HẢO-HOÀ

LU'ỒI ĐAO OAN-NGHIỆT

TÙNG-TOÀN

— Allot!... Allot!... Ai đấy?... Vàng, tôi Trần Thanh đây... Nhìn đấy phải không?... Hay Bình?... Hay Lân?... Vậy xin ngài cho biết qui-danh... Thôi cũng được, ngài cứ nói. Nhà tôi đi Hòa-bình lúc sáng.. Hay ngài làm... Chẳng có lẽ... Vàng tôi đi ngay... 26 phố Z?... À 56, xin cảm ơn ngài. Nhưng xin ngài cho biết qui - tính và địa-chỉ... Vô-danh?... Vậy ra ngài chỉ vì lòng nghĩa-hiệp?... Nếu vậy rất cảm ơn ngài. . . Không dám, kính chào ngài.

Thanh bỗng nói xuống, đứng dậy mặc cái veston đen từ

này đến giờ vẫn quàng ở tai ghế, lại ra mặc lấy cái pardessus dài lướt-thướt khoác ra ngoài, chụp chiếc mũ dạ lên đầu, với tay cầm cái can rồi ra khóa trái cửa, đi.

Đêm đông, sương xuống mịt-mù. Ngọn gió thổi nhẹ-nhàng mà sức lạnh rất ghê-gớm. Thanh cắp can vào nách, hai tay xoa vào nhau, nện gót giày cồm-cộp xuống vỉa hè. Đến gốc đèn, chàng rút đồng-hồ ra xem :

— 9 giờ, hết xe điện rồi.

Không lưỡng-lự chút nào, chàng vào hiệu ô-lô thuê một chiếc xe mặc cả đi vào Hà-dông trong 10 phút.

Chiếc *torpédo* mở hết tốc-lực vù-vút trên con đường nhựa tối mù, giữa những tiếng còi « ê-sáp » gào, thét, rít lên, như thúc-giục luồng điện của hai chiếc đèn pha xé tan bức màn đen kịt của đêm đông lạnh - lẽ mà tiến - hành. Thanh ngồi trên xe phau-ván nghĩ-ngợi, không biết cái tin điện-thoại ấy là thực hư thế nào. Chàng lầm-bầm một



minh :

— Hay mình bị chúng lừa để bắt cóc? Nhưng mình không phải là nhà triệu-phú. Hay họ đùa? Chẳng có lẽ, ai lại đùa thế để mất mấy hào điện-thoại! Hay trở về? Không, nếu thế thì hèn quá, mà ngộ có thật thì sao? Cứ đi.

Bấy giờ Thanh thấy ruột càng bồn-chồn, mặt nóng bằng-bằng, xe đi nhanh là thế mà chàng còn cho là chậm quá. Trong chớp mắt, này Ngã-tư, Quán-búu,

Thanh-xuân, rời qua cầu sông Nhuệ.

Thanh nói một mình :

— Ủ phải, ta đến rủ anh phán Tân đi giúp sức.

Thế rồi Thanh cho xe rẽ vào phố X, đỗ trước một nhà hai tầng, cửa đóng như bưng.

Thanh xuống xe gõ cửa, nhưng không thấy trả lời. Ngẩng đầu lên, một mảnh giấy nhỏ có mấy chữ « nhà cho thuê » bảo cho chàng biết rằng bạn của chàng đã dọn đi nơi khác. Thanh bảo tài-xế cho xe về, rồi lấy điều thuốc lá châm hút, lẳng-lặng đi trên con đường vắng-vẻ dưới ánh-sáng lơ-mờ của những ngọn đèn rời-rạc một bên hè. Chàng kéo sụp chiếc mũ xuống tận mắt, kéo cao cổ áo lên quá gáy, một tay cho vào túi, một tay chống chiếc can đi rảo xuống phố Z nhìn từng số nhà.

Một phố lúc chín giờ tối về mùa đông ở lĩnh nhỏ có lẽ tịch-mịch gần bằng ở một bãi sa-mạc. Thật là buồn. Đàng xa, tiếng « xọc-lắc » uể-oải buồng vào khoảng không buồn-bã.

— 56! Đây rồi!

Ánh sáng trong xanh của chiếc đèn điện trong nhà ấy xuyên qua cửa kính chiếu sáng cả một góc đường. Thanh đến gần nhìn qua cánh kính, nhưng chiếc ri-dô xanh ngăn mắt chàng lại. Chàng kiễng chân lên ngheo cò nhìn thì chỉ thấy mấy cánh quạt trái mùa vô-duyên buồn-thiu ở trên trần. Thanh bắt tay ra dằng sau kéo lê chiếc can đi đi lại lại rồi bỏ mũ ra, nhòm vào lỗ khóa.

— Phải rồi!

Chàng nghiêng rặng chống mạnh chiếc can xuống gạch, rồi... bình! kính vỡ rơi loảng-xoảng. Một cái đập nữa, bình!... cánh cửa toang ra, Thanh vung can sấn vào, qua cái bàn có những đĩa ga-tô, kẹo, ăn còn dở

ở sa-lông. Đến gần bức bình-phong gian trong, thì đằng sau bức bình-phong, một bóng đàn ông mặc pyjama nhầy vụt ra cửa sau rồi biến vào trong đám tối. Thanh nhầy xỏ vào vụt theo nhưng không kịp, chiếc can nện mạnh xuống gọng đồng chiếc giường Hong-kong đánh soảng. Chiếc can gãy làm đôi. Còn một nửa ở tay, Thanh quay lại ném vào người thiếu-phụ mặc đồ ngủ mặt tái xanh đang nép ở góc giường. Thiếu-phụ giơ chiếc gối lên đỡ, rồi úp chiếc gối vào mặt, khóc. Thanh sấn đến dằng chiếc gối ra ném vào đầu nàng, chỉ tay vào mặt nàng mà mắng:

— Còn xấu-hỗ à? Nếu biết xấu sao lại còn...?

Thanh nghiêng rặng lại, giơ hai tay ra toan bóp cổ nàng. Nàng rú lên, lùi lại đằng sau chấp hai tay lại van Thanh :

— Em chót đại! Cậu tha chết cho em!

Thanh vứt phịch chiếc mũ xuống bàn giấy gần đấy, xoay chiếc ghế lại ngồi nhìn :

— Đồ đi! Đồ khốn-nạn!

Nộ-khí của Thanh bốc lên đến cực-điêm. Mắt Thanh long lên sòng-sọc, tay nắm chặt đập xuống bàn. Thiếu-phụ mặt sầm ngắt, tóc sỏ xuống vai, run-lẩy-bẩy rón-rén quì xuống dưới chân Thanh, gục mặt vào đầu gối Thanh, nức-nổ khóc :

— Cậu! Cậu tha tội cho em!

Thanh lấy đầu gối hất ra, nàng ngã ngửa nằm quay ra đất, dựa con mắt khát-lân lơ-dờ lên nhìn Thanh rồi ràn-rụa nước mắt. Trong lúc kinh-hoàng khùng-khiếp, hồ-thẹn nhuốc-nhơ ấy, cái vẻ kiêu-mỵ, cái ý hối-hận đáng tiếc đáng thương của nàng, lại càng phô ra trước mắt Thanh. Thanh động lòng ái-ngại, nộ-khí dường như nguội dần. Chàng ngồi thừ ra, chỉ chép miệng lắc đầu. Một lúc chàng thở dài, xoay ghế ngồi quay vào bàn, lục sách

lấy một mảnh giấy, rút bút máy ra viết :

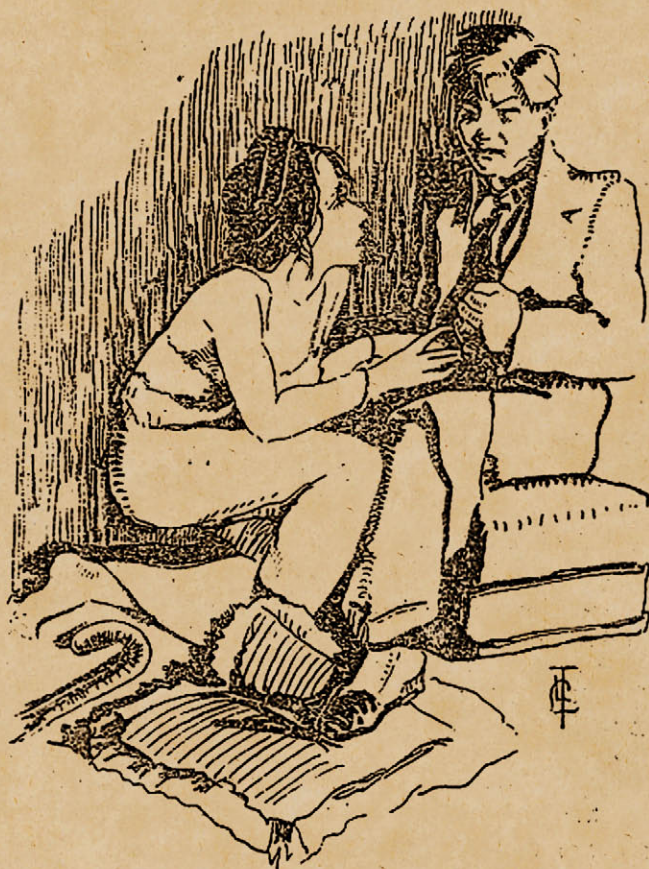
Hôm nay, 10 Décembre 19... , tôi —
Trần Thanh — nghiệp-chủ, xin nhường
người vợ chính-thức đã làm lễ thành-
hôn tại tòa Đốc-lý Hà nội ngày 8-9-19 ..
là Đào Thị-Ngọc cho bạn là Phạm Đình-
Tân.phân-
sự tòa s. .

Thanh mới viết đến đây thì .phập! đầu Thanh gập xuống ngực, rồi cả cái xác thịt ấy lòi chiếc ghế lặn xuống đất. Cổ Thanh lúc bấy giờ như chiếc vôi rỗng tưới nước, phun tóa ra những tia máu đỏ lôm.Hung-thủ tay cầm dao phay sáng quắc hăm hăm nhìn vào bức thư rồi bỗng tái mặt, dậm chân xuống đất. Thế rồi hắn vươn cổ lên, sẵn con dao ở tay đưa ngang luôn một nhát, máu ra òng ọc, liền ngã khụy xuống bên cạnh xác Thanh. Tấn thảm kịch xảy ra chỉ trong hai phút. Thiếu-phụ sợ quá rún

cả người, lẩy-bẩy ra ôm lấy tử-thi Thanh mà vật-vã. Hung-thủ thở ra rất mạnh, gương con mắt trắng rã nhin nằng mà ứa nước mắt, cổ ngóc dậy lấy ngón tay chấm vào máu viết nguệch-ngoaç xuống gạch hoa :

Chúng tôi
giết lẫn
nhau,Ngọc
vô can.

TÂN



Thế rồi
kiệt - lực
quá, hắn
ngã vạ tra,
tất nghi.
Trong khi
ấy, Ngọc
nhìn dòng
chữ máu,
nhìn Tân
thở hắt ra
bơi cuối-
cùng, nhìn
đầu Thanh
lùng - lẳng
ở cổ mà
khóc nức
lên, rồi gục
vào ngực
Thanh, thở
hồn - hèn,
nấc lên
mấy cái, .
lịm dần . .
Ngọc đèn
điện vẫn

chiếu như thường trong gian phòng
lạnh-lẽo. Ngoài đường, dằng xa, hàng
« xực-lắc » vẫn uê-oải buông ra những
tiếng buồn bã vào khoảng sương mù...

Tùng-Toàn

NGHĨA CHỦ' VĂN-MINH Ở TRONG

== TÂM-LÝ NGU'ỒI PHÁP ==

Vào bốn năm trước đây, khoảng Septembre năm 1930, tạp chí Nam-Phong có đăng một bài cùng một đầu đề ấy của giáo-sư ERNST ROBERT CURTIUS. Bài ấy là một bài diễn-thuyết trong hai bài đọc ở diễn-dân Carnegie trường chánh-trị Bá-linh nước Đức. Hai bài ấy đều có lục đăng trong tạp-chí « *Deutsch-Franzosischen Rundschau* » số tháng Septembre và Octobre 1928, xin nói đây để ai nấy muốn tra-cứu đến nơi đến chốn khỏi phải đọc một bản dịch hẳn sao cũng nhiều chỗ sai-lầm. Bài đầu kể lịch-sử cái quan-niệm « văn-minh » nó biến-hóa tự Trung-thế thời-dại ở trong tâm-lý Pháp như thế nào, làm thế nào mà nước Pháp hỗn-hóa được hai cái tinh-thần đại-dồng quốc-gia một cách thật đặc-biệt, mà nguyên ở đó giữ được nền đại-nghiệp kế-thừa tự La-mã, duy-trì một cách xítng-dáng ở trong ngày nay cái bá-ý xưa của La-mã đế-quốc. Bài thứ hai này phân-tích cái nghĩa « văn-minh » (civilisation) ấy ra.

Đ. (Janvier 1934)

Thế là tự thế-kỷ XI trở đi, nước Pháp đã tỏ ý cần thu hết cả sự sinh-tồn của quốc-gia vào trong một ý-niệm khả-dĩ tiêu-biểu được cả quốc-gia ấy. Cần phải có một cái hình-ảnh, một câu nói, một chữ. Sự cần phải tự biểu-dương, tự hình-dung mình đối với mình là một đặc-diểm của tinh thần Pháp. Thật không nước nào tỏ ý cần đến như vậy. Nước Anh thì tuyệt-nhiên không. Nước Đức thì bắt đầu thế-kỷ XIX mới thấy xuất-hiện cái chi-hướng tương-tự như vậy, nhưng để tự-vấn minh, phô-diễn cái tinh-thần quốc-gia thành văn đề, chứ không bao giờ thành một câu trả lời giải-quyết phân-minh như vậy.

Ta phải quay về đời cổ-dại mới thấy có điều tương-tự như cái đặc-tính ấy

của tinh-thần Pháp. Có phải cái tinh-thần La-tinh đã tìm thấy ở trong thơ Virgile cái hình-ảnh thanh-tạo của mình không? Thơ « *Georgiques* » ca-tụng đồng đất xứ *Italie*. Thơ « *Enéide* » ca-tụng công sáng-lập thành *Rome*, rằng lập nên bởi thần-minh định, mà tả tự cổ chí kim, khắp trong bốn bề cái thiên-trách thành *Rome*. Ý-tưởng ấy gây nuôi truyền lại tự đời ngoại-đạo (*païen*), còn rõ ràng cái quan-niệm Hy-lạp về mối cứu-sinh (*salut*), mà hoàn-toàn rõ-rệt là ở lời sấm báo đấng Cứu-thê trong bài thơ thư tư (4^e *Eglogue*) vậy. Bên đây, nó ngẫu-hợp với lòng tin của dân *Israël* ở cái thiên-chức thiêng-liêng của mình. Ngay từ cổ-thời, cái lý-tưởng Giátô đã khéo dung-hòa một cách mật-thiết hai cái truyền-lục ấy, lấy cái tư-

tướng La-mã cùng cái thần-nguyện của dân Do-thái mà kết-cấu nên một quan-niệm có thể công-dụng được cho nhân-loại đại-đồng

Khi mà nước Pháp đòi *Croisades* tự nhận mình là dân-tộc trời bầu, là khi-dụng của thiên-nguyện, lẽ tất-nhiên phải công-nhận rằng nước Pháp chỉ theo một cái tập-tục đã lâu đời rồi có ở trong dân-gian. Dầu cho ta có không công-nhận cái thuyết đó nữa, đó là quyền chính-đáng của ta, vì tinh-thần của một dân-tộc rút cục vẫn là một sự bí-hiêm khó dò. Song ta cũng phải biết rằng nước Pháp qua bao nhiêu thế-kỷ vẫn tỏ rành rành một lòng tự muốn vẽ mình cho mình một cái hình-ảnh ở trong tư-tưởng.

Những ý-niệm tiêu-biểu ấy hoặc có đổi thay trong lịch-sử. Nhưng dầu có khác nhau nhiều ít, bấy nhiêu cái « hình-ảnh » đều có một kiểu xếp đặt, đều biểu-tô ra một cái khuôn khổ chỉ cho ta một vài cái tâm-luật bất-dịch của cái thần Pháp. Như thế, có thể coi cái quan-niệm Pháp về văn-minh là cái cách cuối cùng ấn-định, mà cái thần Pháp đã dùng để tự phô-diễn mình ra. Phải hiểu như vậy mới được, thì họa chăng mới phán-đoán được công-bằng.

Vậy nay cái khuôn khổ ấy nó như thế nào?

Điều thứ nhất ta nhận thấy, là nghĩa quốc-gia (*nation*) với nghĩa văn-minh (*civilisation*) thiết hợp với nhau như một. Ở bên Pháp, người ta không phân-biệt như các dân-tộc khác hai cái hình-ảnh ấy của một quốc-dân: một cái thì tiêu-biểu bởi phủ Nhà-nước, một cái tiêu-biểu bởi nền văn-học. Nhà nước, quốc-dân, văn-minh, đối với tâm-lý người Pháp là ba cái bình-thức thật liên can thống hệ với nhau, dằm-thắm

sâu xa ở trong quốc-hồn của một cái thực-thể. Bởi vì thế cho nên ở bên nước Pháp cái quan-niệm về « nhà nước » (*état*) không có phân-biệt rõ-ràng, và người ta không có cho nó là cái thần-lực được. Trái lại, người dân Pháp đối với Nhà-nước chỉ có bụng ngờ vực, chỉ lo sợ cái sức mạnh ấy nó đè lấn quyền-lợi của mình. Một người Pháp không có nói: « Nhà nước » (*état*), mà không kèm vào tiếng ấy một chút chê bai. Chữ « *Etat français* » (Nhà-nước Pháp) là tiếng riêng của con nhà luật, là tiếng riêng của một nghề. Còn như tiếng « *République* » (dân-quốc) hay tiếng « *Républicain* » là cái tiếng trong lối văn-chương công, nó nhắc lại cho người dân nhiều buổi can-qua, nhiều mối bất-bình quá đê mà cho tất cả mọi người Pháp đều có thể một lòng hoan-nghênh nó được, nó không có thể gây được một mối cảm tình thành thực mạnh-mẽ. Nước Pháp biết mình, ưa mình là ở chỗ mình là quốc-dân (*nation*). Ở chỗ ấy thì bao nhiêu lẽ bất-hòa đều tiêu-tán hết...

Quốc-dân (*nation*): Tiếng ấy người Pháp dùng để chỉ sự chung một cuộc lịch-sử, một tiếng nói, một Nhà-nước, nhưng lại chỉ cả những cái dây giàng-buộc của một nền văn-minh chung. Chẳng nói cũng rõ ở bên nước Đức quốc-dân cũng là chỉ một nền văn-hóa chung. Nhưng giới-hạn của cõi tinh-thần chung ấy chưa bao giờ hợp với bờ cõi của chánh-thể nhà-nước, — và nhất là ngày nay. — Văn-hóa Đức chưa nhập được hết vào toàn thể quốc-dân. Vả, văn-hóa Đức chính là văn-hóa riêng của Đức, và phân nghĩa rành-mạch là ở đấy. Cái nghĩa riêng ấy là chỗ cái quan-niệm « văn-hóa » (*culture*) ngược với cái quan-niệm « văn-minh » (*civilisation*). Ta nói:

« *Deutsche Kultur* » người Pháp dịch là « *culture allemande* » (văn-hóa Đức); họ không thể không cho hai chữ ấy là trái với cái ý-nghĩa văn-hóa. Họ nghĩ rằng : Văn-hóa phải chăng là cái chung cho toàn thiên-hạ ? Là cái chung cho con người ? Vậy, sao lại dám nêu lên, truyền-bá một cái văn-hóa riêng của một quốc-dân ? Ấy người Pháp nghĩ như thế. Họ cho thế là trái với cái ý-nghĩa văn-hóa. Người Pháp tuy thu mình vào cái ý-nghĩa văn-hóa của mình, nhưng không bao giờ nói « văn-minh Pháp » mà chỉ nói « văn-minh » không thôi.

Bởi thế cho nên cái công-tâm quốc-gia Pháp rộng thành một cái huy-hiệu chung cả trăm nước, có vẻ cao-thượng của một phạm-vị hữu-giá chung cho giống người. Nước Pháp nhận mình là một quốc-dân, mà bởi cái hình-thức quốc-dân ấy nhận mình là kẻ mang một cái tư-tướng đại-dồng.

Ấy cái mối liên-lạc cái tinh-tinh quốc-gia với cái ý-tưởng văn-minh giăng cho ta hay là làm sao nước Pháp lại cho mình là đứng đầu các dân-tộc văn-minh đó.

Tôi xin nói ngay rằng ngày nay bọn trí-thức bên Pháp đều bỏ dứt cái tư-tướng nước Pháp cầm đuốc đưa đường cho nhân-loại. Trong dân-gian thì hãy còn thịnh lắm. Nhưng trong đám học-giá thời chỉ có đôi ba người tin thôi. Tôi sức nhờ đây tới ông MASSIS. Ông cho nước Pháp là cái thành-lũy dễ che chở cái tinh-thần Tây-phương chống lại với Đức, với Nga, với Á-châu.

Nhưng mà ngay ở nơi mà người ta đã bỏ cái ý-nguyên cầm đầu thế-giới như kia, cũng vẫn còn dư lại một cái

đặc-diểm khá phân-biệt được cái quan-niệm Pháp và cái quan-niệm Đức, mà là một điều tối-trọng. Trí Pháp thì vẫn theo cái ý-tưởng rằng bản-tính loài người tất-cánh đâu đâu cũng như một. Họ tin rằng có những lẽ-luật khả-dụng cho thầy thầy mọi người, mà văn-minh (*civilisation*) chính là một điều-lê đó vậy. Cái quan-niệm văn-minh có nghĩa-lý chẳng là nhờ sự mọi người đều có thể chia chung được cái văn-minh ấy, và cùng cho nó một cái ý-nghĩa. Cái tin-ngưỡng ấy làm cho cái quan-niệm Pháp về văn-minh thật có chút cảm-khái, một cái sức mạnh, một cái vẻ hùng-hồn, nhưng cái giới-hạn hẹp-hòi của cái quan-niệm ấy cũng ở chỗ đó.

Ta hầu như trông thấy hiện-hiện những cái giới-bạn ấy khi họ giải nghĩa người là một cái linh-thể hữu-lý, (*un être raisonnable*). Chủ-nghĩa duy-lý căn-do ở DESCARTES tiên-sinh tới đời này vẫn là một cái nguyên-tổ còn giàu sức sinh-hoạt dè mà nuôi nấng cái tư-tướng văn-minh. Chẳng nói chi đây tới ông DESCARTES của đám nhân-chúng thường vẫn bảo là kẻ tạo-tác, định-lập ra lẽ-luật của « lý phải » (1). Ngay ở một mặt sử-gia như GABRIEL HANOTAUX tiên-sinh mà cũng còn nói rằng cái văn-hóa chân-chính là văn-hóa do ở « cái sống trong trời của lý phải » mà ra. Thế thời phải hiểu dưới cái câu nói ấy hẳn có cái gì họ hiểu ngầm nói lóng-với nhau, mà đối với một người Pháp đã là điều hiển-nhiên rồi, cái gì khả-dĩ liên-lạc được mọi người trong thiên-hạ. Ấy một cái tâm-bướng rất thông-thường của họ như thế, đối với người Đức ta cũng đã là sự rất lạ-lùng. Có cần nhắc chẳng ở đây đến lời của ông LÉON BRUNS-

(1) Lý phải, (raison). Đây là đối với thuyết « trực-giác », intuition của BERGSON, hay là cái chỉ dionysiaque của nhà triết-học Đức là FREDÉRIC NIETZSCHE.

CHỮ? Ông là người tiêu-biểu cho triết-học Pháp hiện kim. Ông có nói rằng cái ý-tưởng chủ-trương cho nền triết-học Pháp là « một cái lý-tưởng vừa thực-dụng lại vừa quảng-đại của một lý-phải, nhất quyết chỉ vụ phải lẽ đời » (*idée tout à la fois positive et généreuse d'une raison qui a résolu fermement de n'être que raisonnable*). Ông còn thêm rằng: Bọn triết-học nối gót KANT tiên-sinh đều là « không có lẽ phải cả » (*déraisonnable*) cũng như bọn *scholastique* đời xưa trước thời-đại ông DESCARTES. Cái chủ-nghĩa duy-ly mà nông-nổi ấy, biểu-chức rõ ràng đặc-biệt cách làm như thế nào mà một cái ý-tưởng có lẽ phải thoát khỏi bờ cõi một quốc-gia, mà ở bên nước Pháp lại thu vào, định bởi cái giới-hạn của quốc-gia ấy.

Nhưng bấy nhiêu điều một người Pháp trung-đẳng (*Français moyen*) tuyệt-nhiên không biết, không ngờ. Nay nếu ta, ta trông thấy, ta cũng không có quyền nữa kết-luận vu-vơ rằng nước Pháp không thực-tin tin ở cái giá-trị, giá-trị đối với toàn thiên-hạ, của cái « tin báo » (*message*), của mình. Dư-luận bên Đức ta vẫn đôi khi ngờ lòng người Pháp không thành-thực-tin mình đã giúp ích cho nhân-loại; họ ngờ đó chỉ là cái lòng quốc-gia giá-hình ra mà thôi. Phán-đoán như thế quả là một điều sai lầm mà lại là một điều oan-uổng cho nước Pháp. Vốn là, một phần lớn, nước Pháp về đường trí-thức, sống nhờ ở cái « bương-hóa » của nền triết-học *philosophie des lumières*. Triết-học ấy ở bên Đức thì không ảnh-hưởng là bao, nhưng ở nơi xứ sở của lý-phải thì vẫn còn mạnh-mẽ tốt đẹp vô cùng. Đó không phải ở phái thượng-lưu trí-thức mà thôi, ở nơi dân-gian cũng như vậy. Đây ta chạm đến một điều

trọng yếu trong cái tư-tưởng văn-minh. Là văn-minh phải thấm-nhuần đến hết cả các đẳng-cấp trong xã-hội. Thế-kỷ vừa qua nó đã dần dần lan đến đám bình-dân. Khi người *petit bourgeois* Pháp đọc trong nhật-báo rằng mới phát-minh ra được cái pi mới, và nghe nói rằng đó là một bước lớn trên con đường tiến-hóa văn-minh, thì họ hiểu ngay rành-mạch thế là thế nào rồi. Họ biết rằng cái gì kích-thích được văn-minh là đưa cái xã-hội nhân-loại này gần được mục-dịch; rằng cái phận lớn của nhân-loại chẳng phải các nhà chính-trị, các ông tướng tài làm trọn, mà chính là các nhà thông-thái, các nhà văn-chương, các nhà mỹ-thuật sẽ làm nên, và cái công-cuộc khó-khăn ấy mới thực là đề mong nâng cao giống người, và cái ơn-huệ của văn-minh mới thật được nhuần đến trăm họ.

Các báo-chí, các trường học đều dẫn-dụ cho dân hiểu các ý-tưởng ấy. Nhất là cách dạy sử-ký thật là viên-mãn. Những sách sử-ký phần nhiều ở các sử-gia có tiếng làm ra, văn-thể rất minh bạch, nhẹ-nhàng, vui-vẻ, thích-hợp với cái trí-không của con trẻ. Mục-dịch chẳng phải đề tán-dương nhà-nước, nhưng theo luân-ly mà bàn đại-đề như sau khi kể sự-trạng đức vua Louis XIV, có phê một câu như sau này: « Nước Pháp, trong thời ấy, lạm-dụng quyền-lực của mình, làm thế-giới khiếp sợ, cho nên thế-giới mới liên-hiệp nhau để chống lại nước Pháp. Đó là một điều sẽ xảy ra, khi một nước ức-bách nước khác phải theo luật-lệ riêng của mình. » Đối với những sự hung-tàn đời *Terreur* những điều ác-hại thời *Communes* cũng phê-bình như vậy cả.

(Còn nữa)

ERNST ROBERT CURTIUS
Đỗ-Đình trich-dịch

BỨC THƯ' THÂN CHỦ' NHO
TRẢ LỜI THÂN QUỐC-NGŨ'

:: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: :: ::

Hài-vấn

A-tròn b-méo hiền-cư-sĩ lúc-hạ :

Kính thưa cư-sĩ,

Ngày trời tháng bụi năm vua, tôi là Ngang-bằng sỗ-ngay chuyết đạo-giả, có mấy lời trân-trọng đề trả lời hiền-cư-sĩ về bức thư kéo rài ngồi lại trên văn-dàn như sau này :

Người tri-hỷ gặp chẳng ít có, nghĩ đến câu ấy, há chẳng thương thay ! Nay trông lên nghìn năm về trước đã chẳng thấy cỏ - nhân, trông xuống nghìn năm về sau lại chưa thấy lai-giả; bầu trời cõi đất, nào biết bao cùng, giọt lệ ! tru-tinh, lã-chũ luôn xuống, càng hiền-thấu bao nhiêu, lại càng cảm thương bấy nhiêu, ấy con nhà văn-tự tư-tưởng xưa nay, cùng chung một kiếp ấy. Song, cái lẽ hiền thấu và cảm thương ấy, linh-vi và sâu-xa lắm, đợi có tri-kỹ mới giải hết được.

Nay hiền-cư-sĩ chẳng cho tôi là cái mũ nát thũ nhà Đường nhà Ngu, cái quần rách khoảng sông Thù sông Tử, mà dưng như lại cho tôi là cái vật nhuần tưới vun trồng ra rừng lý gốc lê, mà đề ý tin mến, ngỏ lời kéo rài, đó thực là một điều quan-trọng cho lịch-sử văn-học nước nhà, mà thực là một phen tri-kỹ cùng nhau, đủ cả thái-độ vừa hân hạnh, vừa than thở, vừa lo-toan, chuyết-đạo-giả này muốn chẳng nói mà cũng chẳng được.

Tôi với hiền-cư-sĩ biết mặt nhau, kể ra cũng đã có hơn nửa thế-kỷ. Nhưng

về khoảng từ mười-lăm năm gần đây, nhờ có ngọn Nam-phong dật-diu, tiếng cầm ca êm-ái, khi trăng sân, khi gió gác, khi điệu cờ, khi câu tán, mới thật là quen hơi bén tiếng. Tức như hiền-cư-sĩ đã nói : « Tiên-sinh làm ích cho đường cũ, tiều-cư-sĩ tôi làm ích cho đường mới, tiên-sinh công phu gọt rỗng đã tài, tiều-cư-sĩ tôi sự-nghiệp vẽ voi cũng khỏe ». Kịp khi trình-độ hiền-cư-sĩ đã hơi cao, cái khuy-nh-hương của xã-hội đã thay đổi, chẳng khác gì cái thời-liết đào vừa khai thắm thì sen vừa nảy xanh. Tôi mới xếp gánh Đường Ngu, phong hòm Thù Tử, cuốn gói Lý Lê, lui về chốn danh-sơn. nhường cả lại cái chức-trách gánh-vác non sông tô-diềm cuộc đời cho hiền-cư-sĩ. Cũng tức như hiền-cư-sĩ đã nói : « Bốn mùa thay đổi thành công thì đi, đó là vận thường, cũng chẳng lạ gì ». Như vậy thì cái tài-hoa tôi, cái thời-thế tôi, và tám-sự tôi, hiền-cư-sĩ đều đã hiền thấu cả rồi, lọ phải nói gì nữa. Dù có nói chẳng nữa, cũng chỉ nên ngóng-ngoào mấy chữ hàn-huyên, nguyệt-ch-ngoạc mấy câu khê-khái, để làm chút kỷ-niệm nhau về lúc máy đưa nước đón, kể ở người đi là đủ.

Song le, tôi với hiền-cư-sĩ đều có cái quan-niệm sâu xa, đều có cái gánh vác nặng-nề, đối với cuộc đời, còn có nhiều sự đặc-ý, mà cũng còn có nhiều nỗi éo-le, chắc là phải trải qua nhiều cuộc khó-khăn, mới có hy-vọng thiện-quả.

Tôi vốn con nhà Nho, câu chuyện thiên-đường không biết, câu chuyện địa-ngục không hay, mà câu chuyện trên nguyệt-cầu cũng chưa nghiên-cứu bập bẹ đến, chỉ có câu chuyện trong cuộc đời, kinh-nghiệm về cuộc bề dẫu, suy xét về sự tiến-hóa của nhân-đạo, thì nói mãi cũng chưa chán, viết mãi cũng chưa cùn, đó là cái bản sắc của nhà Nho tôi vậy.

Hiền-cv-sĩ có muốn nghe chuyện nhà Nho không? Tôi hằng xin bắt đầu kể một chuyện trong sách Luận-ngữ để hiền-cv-sĩ nghe. Sách ấy có chép một chuyện rằng: « Nước Sở có người hiền-tướng là Tử-Văn, vì có lo sự đời cho nên ba lần ngất-ngưỡng làm tướng mà không sắc mặt mừng, vì có chẳng biết có mình, cho nên ba lần đứng-đỉnh về hưu mà không sắc mặt buồn; lại vì có lo người sau bỡ-ngỡ sai lầm, cho nên những điều kinh-nghiệm của quan tướng cũ, khi bàn-giao tất đem ra mách bảo quan tướng mới ». Chuyện đó tướng cũng thích-hợp về cái tinh-cảnh tôi với hiền-cv-sĩ ngày nay lắm. Ôi! Tôi hiện ra cuộc đời đã có bốn nghìn năm nay, chẳng cũ cũng kể là cũ; hiền-cv-sĩ hiện ra cuộc đời, mới có nửa thế-kỷ nay, chẳng mới cũng kể là mới. Nên chỉ tôi có nghĩ rằng cuộc đời như giấc chiêm-bao, hay ở đây, mà dở cũng ở đây; thói đời thì nóng lạnh chẳng thường, coi nhau như thân thánh ở đây, mà xem nhau như khách qua đường cũng ở đây. Tôi với hiền-cv-sĩ cùng là kiếp văn-tự, cùng là phận bút nghiên, tuy có xoay ngang xoay dọc, trò cũ trò mới khác nhau, nhưng há chẳng phải là cùng người một hội một thuyền dẫu xa. Cái sướng của tôi, chắc hiền cv-sĩ sau này sẽ được hưởng, mà cái khổ của tôi, chắc hiền-cv-sĩ sau này cũng được nếm: sự muốn khóc của tôi, chắc hiền-cv-sĩ sau này sẽ

được qua, mà sự buồn cười của tôi, chắc hiền-cv-sĩ sau này sẽ cũng được trải. Tôi chỉ xin ước nguyện rằng ngang thế nào cho bằng thì ngang, sỗ thế nào cho ngay thì sỗ, và tôi cũng xin ước nguyện cho hiền-cv-sĩ rằng A thế nào cho tròn thì A, B thế nào cho méo thì B, ấy là cái nghĩa-vụ của tôi với hiền-cv-sĩ đối với cuộc đời như thế là xứng-đáng vậy.

Nay tôi hằng xin kể một câu chuyện nực cười của tôi cho hiền-cv-sĩ nghe:

Xã-hội ta trước kia, đối với tôi thường có câu rằng: « Vạn sự xuất ư Nho », câu ấy sao mà nồng-nàn mấy! trán-trọng mấy! Kịp gần mới đây thiên-hạ đối với tôi lại có câu rằng: « Thôi có làm chi cái chữ Nho », câu ấy sao mà hờ-hững mấy! ghẻ lạnh mấy! Nhưng xét ra những lời phán-đoán ấy, cũng không chắc bằng gì. Khi tôi giạt nỗi giải-trạng-nguyên, làm nỗi chức lễ-tướng, thì thiên-hạ người ta bảo rằng vạn sự xuất ư nho. Kịp khi tôi nằm co một chỗ, muốn gõ đầu trê, không ai học, muốn làm quan không thạo nghề, đã không có năng-lực kiếm được sâm-banh sữa bò nữa, thì thiên-hạ người ta lại bảo rằng thôi có làm chi cái chữ Nho, ông Nghè ông Bạng cũng nằm co; chi bằng đi học làm thầy phán, sớm rượu sâm banh tối sữa bò. Ấu cũng như hiền cv-sĩ khi đi học đồ nổi cái tổng-sur, sát-hạch nổi cái Lý-tướng, hay là xuất-bản cuốn tiểu-thuyết được phát tài thì thiên-hạ người ta bảo rằng vạn sự xuất ư quốc-ngữ. Kịp khi tổng-sur bị giãm chức, Lý-trưởng hoặc bị bãi-dịch, hay là cuốn tiểu-thuyết bán đi không chạy, nhà in hằng ngày viết giấy đến đòi nợ, thì thiên-hạ người ta lại bảo rằng thôi có làm chi chữ quốc-ngữ, ông Tổng ông Lý cũng ngồi xó; chi bằng đi học làm thầy tu, sớm

ăn thịt cây cối gỗ mỗ. Những lời khen chê ấy, đều là theo về lúc phong-trào. Khi phong-trào nổi lên thì loài tôm loài cá đều đắc-chí, tha hồ mà khen; khi phong-trào lui xuống thì rồng nằm vũng cạn, tha hồ mà chê. Cho nên người quân-tử đứng trong cuộc đời, nên có cái nghị-lực vãn-cứu thời-thế, không nên có cái tình-cách a-dua phong-trào. Con nhà văn-tự thường làm tiên-phong cho cuộc đời, thiết-tưởng cũng nên hiểu thấu lẽ ấy. Chỉ bảo rằng ngang thế nào thì ngang, sỗ thế nào thì sỗ; hay là bảo rằng A thế nào thì A, B thế nào thì B, điều đó thì chuyết-đạo-giả tôi đối với nghìn năm về trước, nghìn năm về sau, không khi nào dám thừa-nhận.

Đó là tôi giải-quyết câu chuyện nực cười của đời tôi đã xong. Tôi lại xin đem một bức hình-ảnh của tôi tự thuở tôi hiện ra đời đến giờ, trải qua bao nhiêu cuộc bể dâu mà những điều tôi trông thấy, kể lại cho hiền-cư-sĩ nghe:

Kể tự loài người mới sinh ra ở cõi Đông-Á này. khi tôi chưa xuất hiện, thì loài người thường lấy cái dây thắt nút lại để ghi việc, người ta gọi là thời-dại kết-thăng. Khi tôi bắt đầu xuất-hiện, tôi đã trông thấy cái cảnh-tượng hỗn-dộn nực cười; loài người đàn lũ ở với nhau, chưa có trật-tự gì cả, người ta gọi là thời-dại «lâm-lâm tổng-lồng», sự nam nữ rất là tự-do, mà cũng chưa ai biết cười ai, thực là có vẻ thiên-nhiên khoái-lạc. Tôi chỉ than rằng cái thần tự-do sao mà xuất-hiện sớm thế, tôi chưa xuất-hiện mà thần ấy đã xuất-hiện? Nhưng tôi có xét ra rằng loài người sỗ-dĩ hơn loài cầm thú, là vì có lẽ nghĩa liêm sỉ, nếu tự-do mà không hạn-chế, thì khác gì loài cầm thú?

Nên-chỉ tôi phải can-thiệp đến loài người, đặt ra cái đạo vua tôi, đạo cha

con, đạo anh em, đạo vợ chồng, đạo bề bạn. Trong năm đạo ấy thì lấy đạo vợ chồng làm cái gốc trong ngũ-luân, đặt ra có lẽ giá thú, trăm năm kết-nghĩa, vợ nào chồng ấy, như dây sắt cầm hảo-hợp, như chim phượng hoàng sánh đôi, cho nên khúc Quan-thư vịnh người quân-tử, thơ Đào-yêu khen khách nghi-gia, mà những tuồng trên Bộc trong Dấu, thì con người ấy không ai cầu làm chí. Sỗ-dĩ đặt ra những điều lẽ nghĩa liêm sỉ ấy, một là để hạn-chế cái thần tự-do, hai là để nâng cao cái luật nhân-đạo cho trang-nghiêm, khiến cho khác với loài cầm thú, rồi vạn sự mới có thể tiến-hóa được.

Tôi lại dần-dà thuyết-minh ra ở các kinh-diễn, khiến cho nhân-loại biết thế là tình ái, biết thế là tình thiện, biết thế là đạo-đức, biết thế là chính-sự. Hai chữ văn minh thực là bởi tôi sáng-tạo ra. mà sáng-tạo cũng được rất sớm-sủa, cho nên kinh Dịch là sách rất cổ của Đông-phương, đã có câu rằng: «Hiện long tại diên, thiên-hạ văn-minh 見龍任田。天下文明。» Người không biết thì bảo rằng văn-minh là chữ mới, người biết ra thì bảo rằng văn-minh chính là chữ cũ.

Giáo-pháp tôi lấy chữ thiện làm chủ cho nhân-đạo, ví như cái cột trời. Về hồi tiền-cổ có một vị ác-thần là Cung-Công, tính rất hung, đầu rất rắn, lấy đầu húc cột trời cột trời đổ ụp. May sao có vị thiện-thần là Nữ-Oa, là con gái mà có oai quyền, chiến-thắng vị ác-thần, ra tay rền đá để vá trời, cột trời lại vững. Đó là gì? là vật rắn-rỏi vì với đức trinh của nhân-loại. Cho nên sách Nho tôi có chữ rằng: «Duy bỉ trinh thạch 惟彼貞石。»

Giáo-lý tôi cũng ưa bình-dẳng, lập-lục hôn-giá ở thế-gian hay so-sánh cửa họ, như là con Đế-Cốc lại lấy cháu

Phục-Hi, em Thiệu-Hiệu lại lấy chị Cao-Tân, tôi vẫn không lấy làm phải. May hồi đó được vua Nghiêu có hơi con gái là Nga-Hoàng với Nữ-Anh rất xinh đẹp, lại đem gả cho một kẻ binh-dân làm nghề-nghiệp kéo cá ở tràm Lôi, cây voi ở núi Lịch, nặn bát ở bên sông là ông Thuấn, vì Nghiêu nghe Thuấn có đức hiếu, đáng tẩm chông cho con gái, cho nên phá dỡ cái giai-cấp môn-hộ đi mà gả cho. Hai gái vua Nghiêu về nhà Thuấn trên chiếu cha mẹ dưới hòa cùng em, cũng đủ nết-na, vì Thuấn đỡ-dần dọn vợ nặn bát cũng đủ công việc, nghe Thuấn gảy đàn hát thơ Nam-phong cũng đủ tinh-tinh, dường như đã quên mình là con gái thiên-tử. Thuấn cũng biết đạo làm chồng, chỉ nghe Thuấn yêu vợ, mọi sự đều làm khuôn-mẫu cho vợ, không nghe Thuấn thờ vợ, dường như đã quên mình là kẻ binh-dân. Thuấn được thế đã là may lắm, ngờ đâu Nghiêu lại truyền ngói thiên-tử cho Thuấn. Thì ra Nghiêu đối với Thuấn, Thuấn đối với Nghiêu, chỉ cân-nhắc về chữ đức cho thăng-bằng đấy mà thôi. Người không biết thì bảo rằng binh-dãng là tinh-thần mới, người biết ra thì bảo rằng binh-dãng cũng là tinh-thần cũ. Duy binh-dãng mà cân nhắc về chữ đức là binh-dãng hay. Nếu binh-dãng mà cân nhắc về chữ lợi chữ dục, không phân-biệt ra kẻ thiện người ác, kẻ trí người ngu, không thượng hạ trật-lự kỷ-cương nội ngoại gì cả, là binh-dãng láo, binh-dãng tuyệt-diệt nhân-loại, nhà Nho tôi không dùng, ấy là cái tinh-thần nhà Nho tôi vậy.

Tự đấy về sau, chủ-nghĩa gia-lộc, chủ-nghĩa xã-hội, chủ-nghĩa quốc-gia đều dần-dần phát-đạt, nhà Hạ theo lễ-thời cũn -kiệm của vua Vũ chuộng trung-tin; nhà Thương dùng khuôn-

mẫu nhân-hậu của vua Thang, chuộng chất phác; nhà Châu chịu ảnh-hưởng lễ-nhạc của vua Văn vua Vũ, chuộng văn-hoá. Tôi đã mừng rằng cái ngang của tôi khi đặt xuống xã-hội ngổ-hầu đã được thăng-bằng, cái số của tôi khi in vào nhân-quần ngổ-hầu đã được ngay-thẳng.

Duy cái thời-kỳ khoảng mấy nghìn năm tôi hiện ra cõi đời ấy, tôi cũng đã từng trải bao nhiêu sự đặc-ý và bao nhiêu sự khó-khăn, mà kể ra cũng có thú-vị. Vua Nghiêu vua Thuấn vua Vũ vua Thang, cho đến Cao, Quý, Tắc, Liệt, Châu - công, Khổng - tử đều là người tri-kỷ của tôi cả. Lại nhất là ông Khổng - tử, sửa-sang kinh Thi kinh Thư kinh Lễ kinh Dịch, chỉnh lại kinh Nhạc, lại làm ra kinh Xuân-thu, vì vắng-cổ tu lại kinh-diễn, vì vạn-thế lập ra nhân-đạo khiến cho những người giả-nhân giả-nghĩa, vô-liêm vô-sĩ, là những người hay nguyệtch-ngoạc ấy, dù nguyệtch-ngoạc thế nào, cũng phải giữ lấy cái mực ngang bằng số ngay mà không dám lời-tối. Tôi số-dĩ được mấy trăm triệu người ở Á-Đông này còn sùng mến tôi, nghìn năm vạn năm cũng vẫn như một ngày là vì có ông Khổng-tử.

Về hồi nhà Đông-Châu đã mất rồi, tôi gặp một tay đại-ma-vương là Tân Thủy-hoàng, họ đem tôi họ đốt đi, họ bắt tôi họ chôn đi, tôi phải trốn mãi vào vách họ Khổng, chui mãi vào bụng các thầy lão-nho là lũ Phục-sinh. May sao lại được một cô con gái là con thầy Phục-sinh còn cầm nổi cái bút mà biên-chép lại được. Phần thì nhờ về tay con gái họ Phục chép ra, phần thì nhờ về vách họ Khổng đào ra; tôi mới lại hiện ra cõi đời, con tro lửa ấy thật là thắm quá. Họ tưởng rằng tôi là con nhà thánh-hiền, vậy có biết chữ, hay

bàn-lán việc đòi bắt-thị cho họ, cho nên họ muốn trừ-luỵt tôi đi. Ngờ đâu cái kẻ vào phá nước họ, phóng ba nghìn phụ-nữ họ, đốt cung A-phông của họ, ba tháng không tắt lửa, lại chính là cái kẻ học nghề thư chằng thành, chẳng biết một chữ nào là anh Bạng Vũ.

Sau khi vị ma-vương ấy chết đi, người đời cũng chữa ai nữ chán tôi, chẳng bao lâu tôi lại nghênh-ngang chức lễ-tướng phong hầu ở nhà Hán, ngắt-ngưỡng vai thi-thánh thi-bá ở nhà Đường, chệnh-chện chiếu danh-nho ở nhà Tống. Hồi Bắc-Tống đương thịnh, cuộc làng Nho đương vui-vẻ, tôi lại gặp phải một bác đồ gàn là Vương-An-Thạch. Bác ấy gàn quá hóa điên, đầu bác ấy thường để bù, mắt bác ấy thường trắng rã, tai bác ấy rất cao, học bác ấy rất rộng, miệng bác ấy bô-bô lặc, liết, Cao Quý. bác ấy có cái bệnh câu-nệ sách, lấy lý-luợng làm việc đời, nên chỉ việc đời hồng cỏ, thì ra cái dạ-dày đựng chữ của bác ấy chữa tiên hóa. Vì bác ấy làm lễ-tướng ngót hai mươi năm, thật là cơ-hội con nhà ngang-bằng sỗ-ngay đặc-chi, từ-giã kiếp Nhan-Hồi trong lậu-hạng, chệnh-chện vai Cơ-Tán chốn minh-đương. Mà rút cục lại Nghiêu Thuấn chẳng ra Nghiêu Thuấn, Kiệt Trụ chẳng ra Kiệt Trụ, Di Tề chẳng ra Di Tề, trộm Chích chẳng ra trộm Chích, khiến cho kinh thành đã rối-beng như làn bạch-vi, truyện hiền lại nát bét như đám hoàng-mao. Thiên-hạ khi đó có nhiều kẻ mắng bác ấy là tiểu-nhân, thì lời ấy quả là khắc-nghiệt, hoặc cũng có kẻ cãi cho bác ấy là quân-tử, thì lẽ ấy cũng dễ vu-vơ, về sau bao nhiêu mếp trạng-sư trong làng Nho mà vẫn chưa giải-quyết được cái án ấy; thế mới rầy-rà chứ! Ô-hồ! bác ấy hoan-nghênh tôi đấy,

sùng-bái tôi đấy, nhai-nuốt tôi đấy, bẻ chước tôi đấy, thực-hiện tôi đấy, sẽ bị cái vạ trau-giỏi văn-tự tư-tướng về dạ dày mà chữa có năng-lực hàn-dưỡng tiêu-hóa là như thế. Sau nà những kẻ trau-giỏi văn-tự mới, tư-tướng mới, cũng nên lấy đó làm gương khéo chằng lại có Vương-An-Thạch thứ hai xuất-hiện nữa, thì trò đời lại càng hay lắm!

Từ đấy về sau tôi đối với cuộc đời sẽ có nhiều sự rắc-rối buồn-tênh. Nhưng một tập thơ Kịch-nhượng 摺子 của Thiệu-tử, thừa tài xuân-phong, một nhà sách tập-đại-thành của Chu Hi, có gương thu-nguyệt, cũng chữa hại gì.

Chợt đến nhà Minh, bọn sĩ-phu hất trời tôi về nghề bát-cổ, giam tôi vào ngục khoa-cử, về phần đạo đức của tiên-triết, chính trị của bá-vương, tôi không được thi thố ra sự gì nữa, nước đời cũng nhiều nổi khất-khe lắm thay. Chốc là sáu trăm năm, luân-lưu mà đến cuối đời nhà Thanh, lân-sông của thế giới nổi lên, thiên-hạ họ nhao-nhao chê tôi là hủ. Tôi khi ấy chỉ bung ta mà không dám cãi, mà cãi cũng vô-ích vì liếng cãi địch thế nào được với liếng đại-bác, liếng còi súp-lé. Kịp hồi dân-quốc mới đấy, thì họ hoan-nghênh ca chủ-nghĩa khác, nào là cộng-hòa, nào là giải-phóng, nào là tự-do, cái tình thần chữ Nho đã lay chuyển đi rồi, tôi đối với dân-tộc Chi-na ngày nay cũng phần nhiều chỉ có cái danh-từ hay là cái hình-thức đấy thôi. Cứ lẽ ra, Chi-na đã cải-cách cũ ra mới thế, thì cường-thịnh rồi mới phải; ngờ đâu khoảng 20 năm nay rối-loạn hèn-yết lại quá ngày xưa, rõ thật đoạn-tràng lúc ấy nghĩ mà buồn-tênh! Hiện nay thì há miệng lại mắc quai nón, tôi cũng không biết nói làm sao, nhưng tôi chỉ xin rằng thiên-hạ chê ai là hủ, chứ

đừng chê tôi là hủ nữa, thì tôi biết ơn lắm. Vì 20 năm nay tôi ít được dự gì vào cuộc tân-chế-độ tân-tư-tư-ởng, tân-nhân-vật của dân-quốc Chi-na.

Tuy vậy, hồi sáu trăm năm hắc-âm ấy, tôi cũng có một người tri-kỹ là vua Kiền-long nhà Thanh, hồi ấy thu nhật sách vở trong thiên-hạ, biên chép lại thành bộ Tứ-khố toàn-thư 四庫全書 công-nghiệp chín năm mới thành, bảo-tàng ở Thịnh-kinh, tức là tỉnh-thành Liêu-ninh thuộc đất Mãn-châu ngày nay. Bộ sách ấy chia ra bốn phần: phần kinh 經, phần sử 史, phần tử 子, phần tập 集, cực-kỳ hoàn-bị vĩ-đại, cái văn-minh của Chi-na hoàn-toàn tụy-tụ ở bộ sách ấy. Cổ-ngữ có câu rằng thiên-hạ được một người tri-kỹ cũng đủ bất-hận. Vì thế thiên-hạ tung-hoành thế nào mặc lòng tôi vẫn cứ nằm yên, để đợi hoặc có người tri-kỹ thứ hai nữa. Cứ như cái tâm-lý người đời nay, tôi đã là hủ, thì vua Kiền-long chữa chắc khỏi là hủ, mà người tri-kỹ với tôi sau này chưa chắc đã khỏi là hủ.

Cách đây ba năm, người Nhậtthink-linh tiến quân sang Mãn-châu, Trương Học-Lương cầm chủ - nghĩa bất-đề-kháng, chớp mắt mà bốn tỉnh đông bắc nước Tàu hoàn-toàn về tay người Nhật. Người Nhật khi đó đối với những sách mới của nước Tàu, như là thuyết ái-linh, thuyết bình-quyền, Âm-băng-thất tự-do-thư, Tôn Dật-Tiên tam-dân chủ-nghĩa v. v., thiếu gì sách hay, người Nhật chẳng hề thu nhật gì cả, mà lại bắt đầu thu lấy bộ sách Tứ-khố toàn-thư là bộ sách đã cũ rích bảo-tàng ở Thịnh - kinh ấy, chở về Đông - kinh, khiến cho cái tinh-thần của đạo Nghiêu Thuấn, Vũ, Thang, Châu-công, Khổng-tử nhất-dân từ-giã nơi cổ-quốc mà đạo gót sang đất Phù-tang, cũng khá vì Chi-na mà tiếc đó thay! Còn như người

Nhật hủ hay là không hủ thế nào, chớ người đời đã có công-luận.

Ấy những cuộc bề dàu là thế, mà những điều trông thấy là thế thế; làm kiếp văn-tự, cũng éo-le thay! Than ôi! Tôi tầm sóng Hoàng-hà, tôi dựng lảng Thái-son, tôi vốn là con nhà Chi-na, điều đó thì ai cũng biết. Song le, tôi khơi mạch Dương-loãn, tôi xây nền Long-đổ, tôi lại vốn là con nhà Việt-Nam, điều đó thì chưa mấy người xét. Nay muốn xét điều ấy cũng không khó gì; chỉ xét về một có là máy năm về trước, khi hiên-cư-sĩ chữa xuất-hiện, hay xuất-hiện rồi mà chữa thịnh-hành, thì quốc-dân Việt-Nam vẫn gọi tôi là chữ An-Nam. vì tôi với dân-tộc Việt-Nam gặp nhau đã có hai mươi thế-kỷ, quen nhau đã thấm vào tinh-thần. Vị thủy-tổ nước Nam là Kinh-dương 涇陽 là Lạc-long 貉龍, cửa họ nước Nam kể có hàng trăm họ, như Đinh 丁, Lý 李, Trần 陳, Lê 黎, Ngô 吳, Nguyễn 阮 v. v. chẳng phải là tung-tịch ngang bằng sỗ ngay mà là gì? Cuốn lịch-sử Việt-Nam hơn một nghìn năm, bao nhiêu nhân-vật về vang tụy-mĩ, chẳng phải là con nhà Thi Thư Khổng Mạnh mà là gì? Tiếng nhập-lich trong Nam-âm, kể có hàng nghìn vạn tiếng, tiếng cũ thì như hiểu trung, nhân nghĩa, cốt - cách, tinh - thần, tiếng mới thì như mục-dịch, phong-trào, tự-do ưu-thắng, chẳng phải ám nghĩa Phục Hi, Xương Hiệt mà là gì? Trông lên giường thờ mà khấn tên ông vải, chẳng phải cụ phủ-quán mô sinh năm giáp dần, cụ phủ-quán mô sinh năm bình-tuất mà là gì? Vào chùa mà xem chuông, vào đình mà xem bia, chẳng phải quả chuông này đúc tự năm Hồng-dức, tấm bia này khắc tự năm Cảnh-thịnh mà là gì?

Tôi đối với dân-tộc Việt-Nam, thực là có cái tinh-thần khăng-khít, duyên-

4
 nơ cũ-càng. Bắt đầu tôi gặp một người thân dài hai trượng, tiếng nói như tiếng sấm, thi đỗ khoa hiệu-liêm làm quan chức Hiệu-úy, có oai danh hiển-hách ở đời nhà Tần là Lý Ông-Trọng. Hỏi ra thì là người làng Thụy-hương tức là làng Chèm phủ Hoài-đức nước Việt-Nam, người ấy khi công thành lại trở về cố- quốc làm kẻ thạc-học chốn minh-đô, tức là người ngày nay vẫn gọi là ông Thánh Chèm. Ông Thánh Chèm hay chữ lắm! và thiêng lắm! thường báo-mộng cho Triệu-Xương, cùng Triệu-Xương giảng sách Xuân-thu Tả-truyện. Sự tôi gặp người ấy thuộc về trước Gia-lô kỷ-nguyên 400 năm, cách đây đã ngoài hai nghìn năm, mà Việt-Nam đã có nhân-vật to-lớn như vậy, tôi giao-du với người ấy, cũng thú-vị thay!

Một điều tôi hân-hạnh thứ nhất là người Việt-Nam có nhiều người đặt tên con là Nhâm 壬 để kỷ-niệm tôi, vì đời Hán có người Nho-thần là Nhâm-Điền 壬 延 thành-lâm đem Chi-na văn-hóa truyền-bá cho Việt-Nam, dạy dân lễ giá-thú và phép cấy cây.

Lại điều tôi hân-hạnh thứ hai nữa, là người Việt-Nam gọi tôi là Sĩ-vương-tiên để tỏ lòng yêu quý tôi, vì đời Hậu-Hán lại có người Nho-tướng là Sĩ-Nhập 士 契 cũng thành-lâm khai-hóa cho người Nam, dạy dân lễ-nhạc, dạy dân Thi Thư, người Nam thường gọi là Nam-bung học-lồ.

Đến đời nhà Lý, cái trình-độ chữ Nho của Việt-Nam đã cao, Việt-Nam đã có cái khí-tượng hoàn-toàn tự-lập, vua Lý Thánh-tôn mới dựng lên một nhà văn-miếu ở giữa đất Thăng-long, lấy tam-cương ngũ-thường dạy thiên-hạ, lấy Thi Thư Lễ Nhạc đào-tạo quốc-dân, về phần quốc-hồn, quốc-lý của Việt-Nam, tôi mới dự phần chiếu ngời.

Từ đây cuộc tiến-hóa trong xã-hội ở hai đường: Về phần học-thức của hạn thưng-lưu, thì tôi làm chủ-tịch, về phần phổ-cập cho dân gian, thì về thân Phong-dạo tục-ngữ làm chủ-tịch hai đường cùng vui về tiến hóa cho đến ngày nay. Lại gì thời-đại ngày nay là thời-đại đua-chen, thế-giới ngày nay là thế-giới nôi-giống phức-tạp, xoay dọc xoay ngang thiên-linh vạn-trạng mưa Âu gió Á, bốn bề một nhà, nên chi dân-tộc nào dân-tộc ấy đều phải lấy quốc-âm làm trọng.

Nay hiền-cư-sĩ đã có tài ứng-biến nhanh-trao, lại có tư cách phổ thông tiện lợi, đường văn-học cho đến đường chính-tị, đủ gánh vác được việc đời. Tôi đây sẽ chỉ xin đứng về phần hồn, phần gốc-rễ, phần linh-thần mà thôi. Nay tôi đem cái ngôi chủ-tịch trong làng văn nhường lại cho hiền-cư-sĩ, thực cũng đã là hợp-thời lắm vậy.

Song mà hiền-cư-sĩ còn tỏ ý thành-thực, tỏ lời ăn-cần-kéo nài tôi, há chẳng nghĩ rằng năm dẫu nặng, sắc, hương, hỏi, ngã, đọc tuy nhanh miệng, viết tuy nhanh tay, nhưng nhà ngọc phun châu, so nghề còn ấu-tử; ghìu năm Thi, Thư, Dịch, Xuân thu, nói đã có sách, mách đã có chừng, mà cầm-lắm tú-khâu, cầm bút đã dôi-dào. Nay hai con ngựa đương cùng nhau g'ong-ruổi trên đường gấm, mà một con hình như chột đã theo ông Thánh Đổng bay thẳng đường trời; hai cô mỹ-nhân đương cùng nhau so-lựa trên nhíp đàn, mà một cô hình như chột đã nổi chị ở Hằng lánh về cung nguyệt, chẳng lẽ làm nhĩ!

Nhưng hiền-cư-sĩ phải biết cho rằng phạm đưng trên cuộc đời phải có địa-vị. Con nhà văn-tự ví như ông sư, nghề tụng kinh gõ mõ tuy rằng thạo đấy thật, nhưng phải có một cái ghế ngồi

xứng-dáng, để mà tụng kinh gõ mõ ; còn nhà văn-từ lại ví như người đào hát, nghề hát nghề múa tuy rằng thạo đấy thật, nhưng phải có một cái sân đứng hẳn-hoi, để mà hát múa. Cái địa-vị ở trong xã-hội của tôi ngày xưa, đã từng trang-nghiêm như tòa tam-bảo, thành-thời như chốn xuân-đài, nay thì đã khác đi cả rồi. Chẳng những tôi, là đứng về phương-diện hư-nhân, tiêu-đạo ở cực ngoại, mà ngay như hiền-cư-sĩ. thực cũng chưa có địa-vị gì xứng-dáng cho lắm như tôi ngày xưa ; chẳng qua mới có một ít báo-chí nay nghênh-tiếp cái phong-trào nọ, mai bảo-lồn cái tinh-túy kia, và một ít sách giáo-khoa về sơ học, một ít cuốn tiểu-thuyết về ngôn-linh đấy thôi. Làng văn Quốc-ngữ kể ra thì cũng vui-vẻ đấy thật, nhưng thử hỏi ai là ông đốc-học Quốc-ngữ ? ai là ông tiến-sĩ Quốc-văn ? tòa tu-thư Quốc-ngữ ở đâu ? hội Hàn-lâm Quốc-văn ở đâu ?

Tôi bình-sinh thực không có tinh a-dua, nói gần nói xa, chẳng qua xin nói thực. Hiền-cư-sĩ đối với cuộc đời ngày nay chưa có địa-vị xứng-dáng ầu cũng là vì trình-độ còn ấu-trĩ, mới có tư-cách phở-cập, mà chưa có tư-cách chuyên-môn, mới có tư-cách thâu-thái mà chưa có tư-cách độc-lập ; chắc phải nhờ một thứ văn-từ bao-quát phong-phủ đủ làm đại-biểu cho một thứ văn-minh để làm cơ-quan cho sự tiến hóa

Hiền cư sĩ là người Đông-phương, vô-luận ngày xưa hay ngày nay đối với cái văn-minh thủy-tổ, chắc hẳn không thể quên-nhãng được nào ? Nhưng thế nào mặc dầu, tôi chỉ xin mong rằng hiền-cư-sĩ học-vấn cho thắm, nghiên-cứu cho rộng, văn-chương ngôn-luận cho đứng-đắn, sách-vở cho có ích-lợi với nhân-quần mà đừng có hại ; khiến cho cái trình-độ Quốc-văn được cao lên, thì cái địa-

vị xứng-dáng về sau này chẳng phải cầu mà tự-nhiên có. Nếu không thế, mà muốn trách cuộc đời không có mắt xanh, há được đó thay !

Ấy là cái lời tôi vì hiền-cư-sĩ mà kì-vọng về mai sau, chứ hiện nay thì địa-vị của con nhà văn, và không khí ở trong làng văn, một mình hiền-cư-sĩ đứng đó còn chưa thấy thành-thời. Nữa là tôi lại còn tiếc lục tham hồng, nửa về nữa ở, thì một vài đoạn lỗ ngư 魯 魚 sao lục, chẳng qua hết nạc vạc đến xương ; năm ba câu phong-nguyệt ngâm-đề, chẳng qua cạn ao bèo đến đất đấy mà thôi. Chỉ bằng tôi xin đứng về phương cõ-học, lui về cõi danh-sơn ; khư-khư quyền ngọc lúc lẽ tàn, còn hồn cổ quốc ; thoang-thoảng mùi lan trong hang vắng, đợi khách tri-âm là hơn. Đó là cái lẽ tôi đã suy, cái nghĩa tôi đã giải, cái ý tôi đã định, mà cái lời tôi đã quyết vậy.

Tuy nhiên, tôi không phải là con nhà yếm-thế đâu, tôi cầm cái đạo-thuật hoàng-vương để bá-đề trị-nước, giữ cái tôn-chỉ Khổng Mạnh Trình Chu để dạy đời, không khi nào tôi lại dám yếm-thế. Lên núi Thủ-dương mà hái rau vì là tôi, ngồi nhà Minh đường mà chế lẽ tác nhạc cũng là tôi, buồng màn đọc sách ba năm chẳng dờm ra đến vườn là tôi, cưỡi ngựa lên Đông-sơn đề-huê với mấy ả ti-trúc cũng là tôi, lấy hiệu trung nhân nghĩa làm chức-sự, lấy phong hoa tuyết nguyệt làm phẩm-đề, mầu đạo-đức cũng có, mầu phong-lưu cũng có, tôi không khi nào lại dám bi-quan. Tôi từ nay trở đi, cũng chẳng đi đâu, chẳng như con ngựa ông thánh Dóng bay thẳng đường trời mà mất hút, cũng chẳng như cái thối chí ở Hằng-lánh về cung Nguyệt mà nhơn-nhờ. Chỉ xin đứng về phương-diện cõ-học, bất-chước như lối ông Khổng, cõm thỏ nước lã xem phù-quí như phù-vân ;

lại bắt chước như lối ông Mạnh, đọc sách biết người, cầu làm bạn với cô-triết. Chỉ biết rằng cái gánh nặng Đông-phương văn-hóa, người quân-tử đành phải ghé vai. Còn đến như trên bước đường bại-liệt thẳng ru, kẻ thức-giả hăng thử đề mắt.

Hiền-cư-sĩ nên biết cho rằng phạm nước văn minh, nước nào cũng phải chú-trọng ở khoa cổ-học, vì khoa ấy thuộc về phần kinh-nghiệm, phần quốc-hồn, người phương Tây thì phải lấy cổ-học phương Tây làm quốc-hồn, người phương Đông thì phải lấy cổ-học phương Đông làm quốc-hồn, vì nơi thần giống thánh ở đấy mà nặn ra, non xanh nước biếc ở đấy mà tô lên vậy. Coi vậy thì cái gánh cổ-học cũng nặng nề lắm thay! Ở về thời-dại gió mưa hay biến-đổi này, trừ-phí có nghị-lực không mang nổi cái gánh nặng-nề ấy, nhưng chẳng nổi cũng xin cố gắng lấy nổi, còn trùt cho ai được nữa. Lời rằng chị ngã em nâng, lẽ tôi có ngã thì hiền-cư-sĩ nâng nhé!

Nay tôi đứng lên, tôi xin gửi lại cho hiền-cư-sĩ mấy bộ sách:

Một là bộ Tứ-thư ngũ-kinh đại-toàn 四書五經大全 của một vị tiên-nho đời Lê là cụ Tham-tụng Bùi Huy-Bích tiết-yếu lại. Khi đó cụ sợ rằng người Nam học về đạo-đức chính-trị của Khổng-tử, mà sách Tàu thì phiền-phức khó có thống-hệ, nên chỉ cụ đem kinh-truyện toàn-thư ra tiết-yếu lại, đủ cả chính-tắc của kinh-văn, học-thuyết của nhà bản, và chưa dẫn điển-tích được hẳn-hoai; khiến cho người Nam có đường phương-tiện mà vào cõi học-vấn. Vì tự nay về sau ít người có sức dẫu mà xem được sách đại-toàn, nên chỉ bộ sách tiết-yếu ấy đối với sau này lại càng quí lắm.

Hai là bộ sách Lịch-triều hiến-chương 歷朝憲章, của một vị tiên-dat hồi quốc-sơ là cụ Mai-phong Phan

Huy - Chủ trừ-tác ra, chép về đức-chương chế-độ, thổ-địa nhân-vật, ngoại-giao chính-trị của lịch-dại nước Nam, cái tinh-hoa màu-nhiệm về đường tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam, ngõ-hầu hoàn-toàn tụ-tập ở cả bộ sách ấy.

Ba là bộ Khâm-định việt-sử 欽定越史 của vua Tự-đức san-định ra, trên tự Hồng-bàng dưới đến Lê, Trịnh, tài-liệu phong-phủ, khảo-chứng kỹ-càng; người Nam nói đến sử Nam, tất phải tôn-tin về bộ sách ấy. Những bộ sách ấy thật là có công to đức lớn với dân-tộc Việt-Nam. Việt-Nam có những bộ sách ấy sẽ phải là nước Việt-Nam. Nếu không những bộ sách ấy thì sẽ không phải là nước Việt-Nam, nói thế không phải là quá, là sự thực vậy.

Nay cứ lẽ lối ra mà bàn, hiền-cư-sĩ chẳng hiện ra đời thì chớ, hiền-cư-sĩ mà đã hiện ra đời, thì những bộ sách ấy đã phiên-dịch ra quốc-ngữ tự bao giờ rồi mới phải; nào là Ngũ-kinh quốc-văn, Tứ-thư quốc-văn, nào là Lịch-triều hiến-chương quốc-văn, Việt-sử khâm-định quốc-văn; những sách ấy dịch ra nhan-nhân, phần thâm-thúy thì bảo-tàng ở trong thư-viện để người nước nghiên-cứn, phần thiết-cận thì lưu-hành ở chốn dân-gian để người nước học-hành, khiến cho cái văn-minh Đông-phương người nước đã được nhuần thấm; rồi đến những sách Thái-tây học-thuật, Thái-tây tư-tướng kế-tiếp phiên-dịch sau, khiến cho cái văn-minh Tây-phương người nước lại được tiếp thụ, như thế thì đường tiến-hóa sẽ có thứ tự, mà dân Việt-Nam sẽ có đặc-sắc hẳn-hoai. Nói ra cho hết, những bộ sách yếu-cần ấy, dù chẳng dịch được cả, thì cũng dịch được nữa, dù chẳng dịch được nữa thì cũng dịch được một phần. Mà hay sao tự thủa hiền-cư-sĩ hiện ra đời đến giờ, thời-kỳ không phải là còn ngăn-ngủi, phương-diện

thời-thế không phải là còn chữa đổi thay, mà trong văn-xã thư-xã phần 11 thấy đem những bộ sách ấy, chuốt lối ngang bằng số ngay ra lối a tròn b méo để cống-hiến quốc-dân, chỉ phần nhiều thấy phiên-dịch ra những sách tiểu-thuyết ngôn-tình, hoa chè liễu chán, mưa Sở gió Tần, hằng ngày xuất-hiện Hằng-hà sa-số. Ôi hiền-cur-sĩ ôi ! sao lạ thế ! tôi nay thực chữa biết là vì có sao ?

Chừng là vì hiền-cur-sĩ chữa có địa-vị xứng-đáng, ngồi trên chốn miếu-đường mà dịch những sách quý báu ấy dư ?

Chừng là vì hiền-cur-sĩ hoàng-kim dùng hết, tráng-sĩ ngồi buồn, vì vấn-đề bán chữ bán văn mà dịch những sách ngôn-tình ấy dư ?

Chừng là vì hiền-cur-sĩ đối với thời-thế để lòng hoài-nghi, gặp cơn gió Á mưa Âu tranh tối tranh sáng, mà trước hằng lợi-dụng những sách ngôn-tình ấy dư ?

Chừng là vì hiền-cur-sĩ đối với quốc-hoa để lòng trịnh-trọng, đợi đến ngày lành tháng tốt rồi mới sản-xuất những sách quý báu ấy dư ?

Hiền-cur-sĩ ôi ! những bộ sách quý báu ấy, người Việt-Nam chẳng sớm thì chầy, tất thế nào cũng phải dịch ra quốc-văn. Nhưng hiện nay thì còn có người phân-biệt ra quẻ chiền quẻ cộng mà dịch ra được, chứ quá chậm đến ít năm nữa, thì e rằng 11 có người phân-biệt ra con bễ con hiền mà dịch ra được. Đến khi đó hoặc-giả lại phải đón một người ngoại-quốc biết chữ Nho về làm cố-vấn, hay là lại phải phái người nước đi du-học lấy chữ Nho ở ngoại-quốc về để mà dịch những sách ấy, thiết-tưởng như thế thì nhiều-khê lắm. Đó là cái vấn-đề của hiền-cur-sĩ tự nay trở đi, mà không phải là vấn-đề của tôi nữa, tôi há chẳng phải vì hiền-cur-sĩ mà tính cho kỹ đấy dư !

Nay hiền-cur-sĩ kéo nài tôi, không

lặng hiền-cur-sĩ sớm sửa nghe lời tôi. Hiền-cur-sĩ nếu phiên-dịch được những bộ sách ấy để cống-hiến cho quốc-dân thì ngày tôi vắng cũng như ngày tôi ở. Nếu hiền-cur-sĩ không phiên-dịch được những bộ sách ấy, khiến cho những bộ sách ấy chỉ là cái vật xếp trên gác cao không ai hỏi đến, thì ngày tôi ở cũng như ngày tôi vắng, lại có tech gì đó dư ! Sách Nho có câu rằng : « Quân-tử chi ái nhân dã dĩ đức, tiểu-nhân chi ái nhân dã dĩ cô-lức ». Nghĩa là người quân-tử yêu người thì chỉ khuyên lấy điều phải, kẻ tiểu-nhân yêu người thì chỉ khuyên lấy điều lẩn-lữa. Suy nghĩa ấy thì biết rằng, thấy phải thì làm mới là mạnh-mẽ ; rầy lẩn mai lữa còn gì là xuân. Tôi hiện ra đời đến giờ, phút chốc đã bốn nghìn năm, mà nghe ra cái xuân cũng chẳng được mấy, cũng bất chước như truyện : Chỉ khuyên em em có nghe lời, em chớ cậy tuổi còn niên-thiếu. Tôi với hiền-cur-sĩ đã thuộc về nghĩa tri-kỷ cùng nhau, tôi chỉ xin đem cái đạo quân-tử yêu người để đối với hiền-cur-sĩ. Xin hiền-cur-sĩ cũng biết cho rằng : « Mấy lời tâm-phúc ruột già, tương-trí nghĩa ấy mới là tương-trí ».

Nói tóm lại, ngang-bằng-số ngay chuyết-đạo-giả tôi, tự thuở hiện ra đời, kẻ tri-kỷ cũng nhiều, nhưng đại để có mấy người khá kẻ : Khổng-phu-tử, Hán Võ-đế, Đường Lý Thái-Bạch, Tống Chu Hối-Am, Lý Thánh-tôn, Thanh Kiên-long, và cô con gái thầy Phục Sinh, với A-tròn b-méo hiền-cur-sĩ Hiền-cur-sĩ hiền thấu tôi về đường tâm-sự, văn-lưu tôi trong hội gió mưa, khêu gọi tôi mọi mối tình-cảm. Cái ơn tri-kỷ ấy biết lấy gì đền, vậy có một thiên văn tự khá dài, mong tri-kỷ bớt chút thì giờ để ý ngâm xet. Gió nam thổi mát, kính chúc bình yên.

Nay kính phúc

TÙNG-VÂN

— ≡ ĐỜI SÚNG ĐẠN ≡ —

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến

1917! Mây khói chiến-tranh trùm khắp cả Âu-châu. Những anh-hùng tráng-sĩ của các nước đồng-minh, vì cái lòng muốn phủ-trị nhân-đạo nên chẳng quản hi-sinh mà đánh nhau với quân Đức. Chiến-tuyến miên-man hàng vài nghìn dặm, dự-chiến đến hơn mười nước, binh sĩ tử-thương rất nhiều, cả thế-giới đều chấn-động. Thật là một cuộc chiến-tranh rất đau đớn, rất thảm-khốc từ xưa đến nay chưa từng có.

* *

Hôm ấy, chiều hôm thứ bảy, bảy giờ đã sấm-sấm tối. Trong một câu-lạc-bộ kia ở Nữu-ước đèn điện sáng choang, khách-khứa lấp-nập, tiếng cười tiếng nói ồn-ào. Sĩ-nữ đều là những nhân-vật có danh tiếng trên trường giao-tế, đang bá vai nhau theo nhịp âm-nhạc du-dương mà khiêu-vũ. Trong phòng đầy một bầu không-khí khoái-lạc, dường như ai nấy đều không biết rằng ở bên ngoài kia đang có cuộc chiến-tranh lở đất long trời.

Lúc ấy chợt có một nữ-lang ở trong đám đông người ấy đi ra, tha-thướt đến tựa bên cửa sổ. Nữ-lang rất đẹp. Nước da trắng trẻo trong cái khuôn mặt xinh tươi, cặp mắt long-lanh dưới đôi lông mày xanh mượt, cái mũi dọc dừa giữa đôi gò má đỏ

hồng, nữ-lang lại có cái dáng yêu-điệu thướt-tha, cái dáng đẹp tuyệt-trần không thể tả.

Đó là vai chủ-động của truyện này : nữ-sĩ Lệ-Ti.

Lệ-Ti là con gái một nhà giàu ở Nữu-ước, cha mẹ mất sớm, tiền của rất nhiều, người đã đẹp lại thông-minh, tinh-tinh nghĩa-hiệp mà khảng-khải có chí lớn, rất xứng-dáng là một bậc cân-quắc anh-hùng. Lúc bấy giờ ở trong đám đông người đi ra, nàng một mình đứng tựa cửa sổ, cau mày có vẻ nghĩ-ngợi, dáng mặt buồn rầu ngửa mặt lên trời mà tâm-trí bồi-hồi, dường như trong lòng có điều gì phiền-muộn lo-lắng. Thật vậy, nàng đứng đấy mà tâm-hồn mơ-màng như thân đến chiến-tràng ở Âu-châu, mắt trông thấy hai quân ra vào ở nơi rừng gươm mưa đạn, thân-thể tan-tành trong đám khói lửa mù trời, hơi độc đầy đất, thấy chất thành đồng, máu chảy thành sông, một cái thảm-trạng mắt không nỡ thấy. Ôi! Người Đức thật là tàn-bạo đã gây nên cuộc đại chiến không-tiền-tuyệt-hậu này, khiến cho nhân-loại tàn-sát lẫn nhau, dân đen sa vào cõi thảm, cuộc hòa-bình của thế-giới không biết ở ngày nào! Nàng nghĩ đến đấy thì ngậm-ngùi cảm-động, mắt lơ-dờ nhìn lên trời, thồn-thức thổ dài....

Chợt một thiếu-niên bện lễ-phục ngang-nhiên đến gần nàng ngả mũ chào, miệng cười túm-lím:

— Kia! Cô ở đây đấy ư? Tôi tìm cô mãi.

Lệ-ti giật mình quay lại, thì ra người thiếu-niên ấy là người nàng quen biết cũ, tên là Khắc-Tur. Khắc-Tur! Một trang thanh-niên tuấn-lú, tuổi ngót ba mươi, trên mép râu xanh lún-phún, thân-thể cường-tráng, vẻ mặt ôn-hòa, mỗi khi nói lại điềm một nụ cười rất có duyên. Nhưng thực ra chàng là một người rất trầm-nghị, mà cái vẻ trầm-nghị ấy chỉ thỉnh-thoảng mới lộ ra ở trên đôi lông mày rậm. Khắc-Tur rất yêu Lệ-Ti, đã bao phen chàng những toan ngổ nổi lòng đề cầu hôn, nhưng hở mới ra những ngại-ngùng nên lại thôi. Mà Lệ-Ti thì mắt xanh chẳng đề ai vào, nên đối với Khắc-Tur tuyệt-nhiên không có ý gì khác. Lúc bấy giờ gặp Khắc-Tur ở câu-lạc-bộ nàng rất lảnh-đạm, chỉ miễn-cưỡng thù-tiếp qua loa. Tuy vậy cái lòng cầu-hôn của Khắc-Tur vẫn nồng-nần ở trong tâm-chí, không lúc nào nguôi. Chàng vui vẻ mời Lệ-Ti cùng ngồi xuống ghế:

— Đã lâu tôi không được gặp cô, tình cờ hôm nay lại được tiếp cô ở đây, tôi lấy làm vui lòng lắm.

Lệ-Ti cười:

— Tôi với ông cách nhau mới có hai tiếng đồng hồ mà sao ông lại bảo là đã lâu?

— Vâng, hai giờ đối với tôi thực bằng hai ngày của người khác. Cờ-nhân bảo rằng ba thu dọn lại một ngày cũng không phải là quá-đáng đâu.

Lệ-Ti mỉm cười nin lặng. Bấy giờ cái ý muốn cầu-hôn của Khắc-Tur như cái xương cá mắc ở cổ, không nói ra

thì không chịu được, chàng bện dẫn-đo ba bốn lần rồi đánh bạo mỉm cười nói với Lệ-Ti:

— Cô Lệ-Ti! Tôi yêu cô lắm, chẳng hay cô có thấu cho nổi lòng này không?

Lệ-Ti lắc đầu:

— Không, tôi không có thể yêu ông được, xin ông đừng nói thế nữa. Tôi tuy là phận gái nhưng chỉ ở những sự lớn-lao, đối với nước với đời, còn mong được có điều hữu-ích, chứ không như bọn con trai các ông, không có kiến-thức xa-xôi, qua ngày đoạn tháng chỉ đắm-đuối về rượu chè nhây mùa mà thôi.

Khắc-Tur ngạc-nhiên:

— Cô nói thế là nghĩa gì?

Lệ-Ti khảng-khái nói:

— Vay ra ông không biết rằng hiện bây giờ ở Âu-châu đang có cuộc đại-chiến ư? Những quân của đồng-minh vì chính-nghĩa nhân-đạo mà chẳng quản hi-sinh cùng quân Đức huyết-chiến. Nước Mĩ ta vốn trứ-danh là một nước chủ-tri nhân-đạo, nay đối với quân Đức tàn-nhẫn làm tuyệt-diệt cả nhân-đạo kia, lại nở bịt mắt lấp tai thì còn gì là danh-dự nữa!

Khắc-Tur cười:

— Nước ta hiện nay đứng trung-lập, cứ một việc giữ quốc-phòng cho yên-ổn là đủ rồi, còn ra chiến sự ở Âu-châu đối với bán-cầu này không có quan-hệ gì, cô việc gì mà lo lắm thế?

— Không quan-hệ gì? Thế thì ông ngốc lắm. Tôi thử hỏi ông nước ta đối với cuộc Âu-chiến có thể cứ giữ mãi cái thái-độ trung-lập được không? Tuy rằng nước mình chuộng hòa-bình không muốn bị cuốn vào cái xoáy nước chiến-tranh, nhưng có thể giữ cho người khác không xâm-phạm được không?

Đức kia ngày nay đang muốn đem quân đi lấy thiên-hạ, tinh tàn-bạo dã quen đi rồi, còn nể gì ai nữa, nếu xâm-phạm đến ta thì ta có thể nhẫn được không? Tôi xem ra Đức đối với nước ta không phải là không dòm-nom chú-ý, ta cần phải nên đề-phòng. Bọn các ông là lũ ngang-tàng trượng-phu mà tầm con mắt không bằng một đũa con gái như tôi, thực là lạ quá.

Khắc-Tư thấy Lệ-Ti nói hùng-hồn mạnh mẽ có cái vẻ nghĩa-phần, bèn nghiêm sắc mặt mà nói:

— Thôi, cô đừng trách tôi nữa, lúc nãy tôi nói thế có phải là bản-tâm tôi đâu. Cô có biết tôi làm nghề gì không?

Lệ-Ti lắc đầu:

— Không.

Khắc-Tư lấy một cái danh-thiếp đưa cho Lệ-Ti. Dưới mấy chữ tên, Lệ-Ti thấy một hàng chữ nhỏ: «*Chánh sở do-thám Hoa-kỳ*». Lệ-Ti ngạc-nhiên nhìn Khắc-Tư. Khắc-Tư cười:

— Bây giờ hẳn cô hiểu thấu lòng tôi rồi. Cô là phận gái mà cũng biết quan-tâm đến việc nước, có kiến-thức xa, có tâm-chí lớn, tôi rất lấy làm kính-trọng. Song-le, bọn đàn ông chúng tôi không phải là vô-dụng cả đâu. Nước ta đã ngấm-ngâm phong-bị cả rồi, duy người ngoài không biết đấy thôi. Tôi nhận cái trọng-trách chánh sở do-thám này cũng là để đối với Đức vậy. Cô nếu quả sốt-sắng hết lòng về việc nước thì tôi có thể giúp được cô. Vậy sáng sớm mai mời cô đến chơi nhà số 303 ở con đường Cáp-não để tôi nói chuyện, cô bằng lòng không?

Lệ-Ti tỏ ý vui lòng, hai người bèn chào nhau rồi mỗi người đi một ngã.

* *

Sáng hôm sau, quả-nhiên Lệ-Ti đến nhà số 303 đường Cáp-não, đưa danh-

thiếp xin vào tiếp-kiến Khắc-Tư. Một lúc, người bồi ra mời Lệ-Ti vào. Nhà ấy là bộ đại-cơ-quan bí-mật của đội do-thám. Lúc ấy Khắc-Tư một mình đang ngồi làm việc trong buồng giấy. Trên bàn, giấy má bừa-bộn chất từng đống, Khắc-Tư ngồi viết không dừng tay. Lệ-Ti vào, Khắc-Tư đặt bút xuống bàn đứng dậy chạy ra bắt tay Lệ-Ti, vui-vẻ nói:

— Có y như lời hẹn, tôi vui lòng lắm. Bộ do-thám của tôi khuyết một người thư-ký chuyên giữ về điện-tín bí-mật, ý tôi muốn cô giúp một tay đảm-nhiệm cho việc ấy, chẳng biết cô có thuận không?

Lệ-Ti gật đầu:

— Nếu lợi cho tổ quốc, tôi xin vui lòng.

Khắc-Tư mừng lắm, rất khen Lệ-Ti là một người ái-quốc, rồi dẫn nàng đến một phòng làm việc. Trong phòng nam-nữ thư-ký ngồi đầy, người nào việc ấy, có vẻ hoạt-động lấp-nấp lắm. Khắc-Tư lấy một quyển sách dấu hiệu bí-mật và một tập giấy đưa cho Lệ-Ti dịch, Lệ-Ti ngồi xuống bàn làm việc ngay ngày hôm ấy.

Thế là từ đấy, Lệ-Ti nghiêm-nhiên là viên nữ-thư-ký của đội do-thám Hoa-kỳ.

Ngày hôm sau, Lệ-Ti lại đến bộ cơ-quan làm việc, Khắc-Tư đưa cho nàng một tập công-văn đề dịch. Lệ-Ti cầm về phòng làm việc của mình, chợt thấy trong đống giấy má ấy có một quyển sách, ngoài đề ba chữ «*Đại bí-mật*», bên dưới lại có dòng chữ «*Khắc-Tư bí-tàng*», Nàng lấy quyển dấu-hiệu riêng ra thử dịch, thì trong sách lời-lẽ hàm-hờ không thể hiểu được, bèn cầm sang buồng giấy Khắc-Tư để hỏi xem cách dịch thế nào. Không ngờ vừa bước chân vào đến

cửa thì thấy Khắc-Tur đang hoảng-hốt tìm-tòi lục-lọi khắp phòng, dường như đánh mất một vật gì quan-hệ trọng-yếu. Khắc-Tur nghe tiếng nỡ cửa ngàng lên nhìn, hai con mắt long lên sòng-sọc như mắt con sư-tử giận-dữ. Lệ-Ti sợ hãi đứng đứng lại. Khắc-Tur thấy quyền sách « đại bí-mật » ở trong tay Lệ-Ti, vừa mừng vừa sợ, vội-vàng sấn-sỏ nhẩy lại đằng lầy, như cướp lấy một vật quý-báu. Lệ-Ti quay mình toan đi, chợt sực nghĩ ra, rồi lấy làm ngờ, bèn từ từ đến gần Khắc-Tur sẽ hỏi :

— Quyền này chép những gì thế, ông Khắc-Tur? Sự gì mà lại đại-bí-mật?

Khắc-Tur bấy giờ thần-sắc đã định, lại chần-ĩnh như thường, sẽ cười :

— Đó là việc riêng về cá-nhân của tôi, đối với chức-vụ của cô không can-thiệp gì; cô cứ hết chức-vụ của cô là đủ, xin cô đừng hỏi đến việc riêng của tôi.

Lệ-Ti nghe nói lại càng hoài-nghi, nhưng không liên hỏi mãi, bèn lẳng-lặng đi ra.

* * *

Khi bấy giờ có một thiếu-niên người Mĩ tên là Mạch-Hải, kiều-cư ở Pháp. Cuộc Âu-chiến nổi lên, Mạch-Hải ghét người Đức tàn-bạo, bèn lấy tư-cách kiều-dân đăng vào đội quân của Pháp, xông-pha nơi chiến-trận, dũng-cảm không ai bằng, chẳng may bị quân Đức bắt làm tù-binh, giam ở pháo-đài Gia-nã-nhĩ. Mạch-Hải dò xét được nhiều điều bí-mật trong cuộc Âu-chiến, mà những điều bí-mật ấy đối với các nước quan-hệ không phải là nhỏ, nên quân Đức vẫn thường đổ-dành Mạch-Hải để nói ra, nhưng Mạch-Hải nhất-định không chịu nói. Song-le, Mạch-

Hải lại là người nghiện rượu, cả ngày lúc nào cũng say khướt, quân Đức biết thế mới nghĩ ra một kế, bèn lấy một chai rượu ngon cho Mạch-Hải uống thật say để thừa lúc say hỏi dò những điều bí-mật. Quả - nhiên, Mạch-Hải trông thấy rượu tức thì rõ giải, cầm chai rượu nốc một hơi. Quân Đức thấy vậy mừng lắm, hết chai ấy lại tiếp chai khác. Chẳng ngờ Mạch-Hải tuy rằng say nhưng cứ ý ra không nói một lời nào cả. Quân Đức xúm-xít chung quanh đề hỏi, Mạch-Hải chỉ ú-ớ nói những câu mơ-hồ mà thôi. Khi ấy trước mắt Mạch-Hải núi sông lộn ngược, nhà cửa đảo-diện, trời đất đều quay-cuồng, rồi Mạch-Hải nằm lãn ra đất, miệng ngáy khò-khò, mũi thở phì-phì, không biết gì nữa. Người Đức không biết làm thế nào, đành khóa cửa lại đi ra.

Đêm hôm ấy, vào quá nửa đêm, Mạch-Hải chợt tỉnh. Bèn ngoài trăng xé sấp lặn, sao nhạ sấp tàn. Ngọn gió nhẹ lườn qua khe cửa thổi vào mặt Mạch-Hải, làm cho Mạch-Hải tỉnh-tao khoan-khoái, đứng dậy đi đi lại lại trong pháo-đài. Chàng chợt nghĩ ra một kế thoát-thân, bèn lấy cái màn che cửa xé ra từng mảnh, bện lại rồi nối vào với nhau, thành được một cái dây dài. Mạch-Hải quăng dây lên buộc vào cái khóa cửa sổ rồi leo lên, lại tụt dây mà xuống, khoanh-khắc chân xuống đến đất, thế là Mạch-Hải đã ra được ngoài pháo-đài. Chỗ ấy lại là chỗ lóm vào của pháo-đài, nên rất là kín-đáo, gia-dĩ đêm khuya canh vắng, người đi lại không có ai, nên Mạch-Hải thoát thân một cách dễ-dàng êm-ả, chẳng một quân Đức nào hay.

Nhưng Mạch-Hải vừa mới tỉnh rượu nên thân-thể mỏi-mệt, chân tay rã-rời, cơ-hồ không chạy được nữa, mới

dựa vào tường mà nghỉ, đứt cái dây buộc ở trên cửa sổ ném xuống bãi cỏ.

Mạch-Hải đang thở hồn-hồn thì đang xa chợt có tiếng giầy đi đến. Chẳng sợ quá, vội-vàng ẩn mình vào trong số tối, thò đầu nhìn ra ngoài, thì thấy đang xa một viên quân-quan Đức mặc nhung-trang đeo kiếm, tay xách cái đèn đi tuần, ngang-nhiên tiến đến. Mạch-Hải sợ hãi, may nhặt được một cái gậy ở dưới đất, vội-vàng cầm lấy để thủ-thế. Một lúc, viên quân-quan Đức vô-tình đi qua Mạch-Hải mà không biết. Mạch-Hải tự trong số tối nhảy xổ ra, giờ cao gậy hết sức đánh xuống đầu viên quân-quan chát một cái. Viên quân-quan đau quá, rút kiếm ra quay lại đâm Mạch-Hải. Mạch-Hải lúc bấy giờ hăng máu lên khỏe mạnh lạ thường, dằng ngay được kiếm mà đâm trả lại viên quân-quan. Viên quân-quan bị trọng-thương ngã gục xuống đất, một lúc thì tắt nghỉ. Mạch-Hải ném gươm xuống đất, lục-soát quần áo viên quân-quan được một khẩu súng lục và mấy viên đạn, liền bỏ vào túi rồi cầm cổ chạy...

Trăng tàn, sao lặn. Bên đông trời đã sáng mờ-mờ. Quân lính Đức đi qua pháo-đài, chợt thấy xác viên quân-quan nằm gục ở đấy, trên bãi cỏ nát nhàu, lại nhặt được một cái dây dài bằng vải bện, kinh-hoàng hoảng-hốt chạy về bộ-tư-lệnh báo cho chủ-tướng. Viên chủ-tướng nghe nói giật mình kinh-ngạc, vội-vàng gọi giầy nói cho quân lính canh giữ pháo-đài, bảo đến chỗ giam Mạch-Hải xem xét. Một lúc giầy nói đáp lại rằng Mạch-Hải đã trèo qua cửa sổ mà trốn đi rồi. Viên chủ-tướng dậm chân xuống đất cả giận, vội-vàng sai bốn năm tên quân cưỡi ngựa đem chó săn đi đuổi. Quân lính đến bên

pháo-đài thả chó săn ra, chó chạy đi đằng nào là người chạy theo đằng ấy.

Giống chó săn này rất khôn, cứ ngửi vết chân người là có thể biết được người ấy đi về phương nào, rất đặc-lực cho các nhà trinh-thám. Lúc bấy giờ đàn chó săn vừa đi mũi xuống đất ngửi vừa kêu, hướng về phía tây mà chạy. Quân lính thúc ngựa theo sau, vượt núi qua rừng, chạy thẳng đến cương-giới Hà-lan.

Mạch-Hải tuy đã thoát khỏi pháo-đài, nhưng cũng biết rằng đến lúc sáng tỏ thì sự tất bại-lộ, kỵ-binh của Đức chẳng mấy lúc mà đuổi tới nơi, loanh-quanh mãi trong bờ cõi Đức tất là nguy-hiểm. Mạch-Hải biết rằng cách đây mấy dặm về phía tây là cương-giới Hà-lan, mà Hà-lan là nước trung-lập, có chạy được sang địa-phận Hà-lan thì mới mong sống được.

Nghĩ thế bèn nhân lúc trời hãy còn tối cố hết sức hướng phía tây-bắc mà chạy. Chạy được mấy dặm thì trời sáng tỏ. Mạch-Hải chạy nửa đêm ròng-rã mệt quá, sức đã kiệt, chân mỏi rời, không thể nào chạy được nữa, mới nằm lăn ra bãi cát. Nằm được một lúc sức đã hơi lại, vừa toan đứng dậy để chạy nữa thì chợt nghe thấy tiếng chó kêu vờn chân ngựa chạy, trước còn xa sau càng gần, vội-vàng đứng phắt dậy chạy lên cái đồi cao, trông ra đằng xa thấy bốn năm quân kỵ-binh Đức lấy chó săn làm hướng-đạo tể ngựa như bay tiến đến. Mạch-Hải cuống-cuồng lại chạy bán sống bán chết xuống chân đồi, muốn tìm một chỗ ẩn mà trốn. May dưới đồi lại có một cái nhà nát mấy gian, chừng là của bọn nông-nhân gi.đó. Mạch-Hải mừng quá, chạy lại gõ cửa cầu-cứu. Cửa mở, một người nhà quê sừng-sộ chạy ra :

— Ai hỏi gì?

Mạch-Hải vừa thở vừa nói:

— Tôi là một tên tù-binh vượt ngục, sống chết chỉ trong chớp mắt, xin ông vì lòng nhân của thượng-đế mà cứu cho.

Chẳng ngờ người nhà quê ấy lại là người Nhật-nhĩ-man, vốn không có tinh quái-co rắc-rối, nghe Mạch-Hải nói thế liền giơ hai tay ra ngăn lại không cho vào. Mạch-Hải ngoảnh cổ lại đằng sau thì quân Đức đã gần đến nơi rồi, vội kêu van với người nhà quê:

— Ông trông kia kìa, quân đuổi bắt tôi họ đã đến kia rồi.

Người nhà quê nghèn cổ lên nhìn, Mạch-Hải thừa lúc anh ta vô-ý chạy tọt vào trong nhà, đóng sập cửa lại. Người nhà quê nghe thấy tiếng cửa đóng vội-vàng quay lại, thấy Mạch-Hải đóng cửa không cho mình vào giận quá, vừa đập cửa vừa kêu. Mạch-Hải hé cửa ra, người nhà quê lách mình vào rồi cửa lại đóng lại. Nhảy mắt chó săn của quân Đức đã chạy đến trước cửa rồi đứng dừng lại, nhầy-

nhót cần àm-ỹ. Kỳ-binh Đức cũng kết tiếp đến nơi, biết rằng Mạch-Hải tọt ở trong nhà ấy liền nhảy xuống ngựa, xông lại phá cửa. Cửa mở toang ra, năm tên quân ủa vào thì thấy Mạch-Hải đã nằm chết lẩn ra ở đất. Chúng ngạc-nhiên, lại gần xem mới biết rằng quần áo là quần áo của Mạch-Hải mà xác người thì lại là xác ai. Xét kỹ thi-thể thì ở cổ rành-rành có vết tay lẩn bầm tím.

— Thôi phải rồi, chính Mạch-Hải đã bóp cổ giết chết người chủ nhà này rồi thay đổi quần áo mà trốn ra cửa sau rồi. Tất nó chạy sang cương-giới Hà-lan, nhưng từ đây đến đấy còn xa, chắc chưa đến nơi được, vậy chúng ta phải đuổi mau, đừng để cho nó trốn thoát.

Nói rồi, mấy tên quân lại nhảy cả lên ngựa, xua chó săn hướng sang phía Hà-lan mà đuổi. . . .

(Còn nữa)

Tùng-Toàn dịch

GIẢI THƯỞNG TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN (năm 1935)

Bắt đầu từ nay, Tự-Lực Văn-Đoàn sẽ đặt giải thưởng hằng năm để tặng những tác-phẩm «liều-thuyết, phóng-sự, khảo-luận, thi-ca, kịch, sử-ký v.v.» có giá-trị và hợp tôn-chỉ của đoàn. Giải thưởng năm 1935 sẽ đề tặng riêng liêu-thuyết.

Giải nhất 100 \$ 00 Giải nhì 50 \$ 00
Sách được thưởng vẫn thuộc quyền sở-hữu của tác-giả.

Thế-lệ:

- 1° — Phải là liêu-thuyết làm ra và hợp với tôn-chỉ của Tự-Lực Văn-Đoàn. (Không nhận những sách dịch hay phong thuật, hoặc sách đã đăng báo hay xuất-bản rồi).
- 2° — Phải dày trên 100 trang giấy học trò (viết một mặt).
- 3° — Giấy đề tên và chỗ ở cho vào phong bì kín và gửi theo sách dự-thi.
- 4° — Hạn gửi đến 31 Décembre 1934 là hết.

Xin gửi về M. Nguyễn-lương-Tam, Phong-Hóa tuần-báo Hanoi.

Ái muốn biết tôn-chỉ Tự-Lực Văn-Đoàn viết thư về hỏi, sẽ xin trả lời rõ ràng.

TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN lai-cáo.

VĂN = UYÊN

THƠ KIM

Phong-hóa đất Hà-thành

Lắm người ở thôn-dã,
Ước-ao cảnh Hà-thành;
Bảo rằng chốn đô-lợi,
Hẳn là đất văn-minh.
Hay nhiều, dở cũng lắm,
Nào ai có biết đâu;
Cầm bút tả cho hết,
Than ôi nghĩ cũng đau!
Hà-thành lắm nhân-vật,
Ngày nay khác hẳn xưa;
Trò đời sao khéo vẽ,
Mới quả không thể ưa.
Phù-hoa cùng xa-xỉ,
Cái đó nói làm chi;
Kể đến nền phong-hóa,
Thôi thôi đành rằng suy!
Bước chân khỏi trường học,
Thấy thầy những làm ngơ;
Quên cả tình sư-đệ,
Thiếu chi là người hư.
Trăm năm cùng ăn ở,
Vợ chồng nghĩa tử sinh;
Động tí xin li-đị,
Còn đâu nữa là tình!
Bạn bè chỉ vì lợi,
Vì lợi sinh lọc-lừa;
Tin bạn mất cả vợ,
Trông thấy đã sờ-sờ.
Tự-do đầu cửa miệng,
Nam nữ muốn bình-quyền;
Xưa nay đâu có thế?
Cương-thường ôi đảo-diên!

Có tiền thẳng cũng qui,
Không tiền ông mà chi!
Hơi đồng kém một chút,
Miệng thế hay suy-bì.

Ham mê cuộc đen đỏ,
Ăn thua to lây trời;
Đêm đêm vào sòng bạc,
Đủ mặt các hạng người.
Tranh nhau mỗi lợi tốt,
Mở biết bao nhiêu «sấm»;
Tiếng là để khách trọ,
Nhưng chỉ thêm thói dâm.

Cũng vì lắm thổ lậu,
Nên lắm bệnh giang-mai;
Gớm thay phường « bán thịt »,
Làm hại bao làng chơi.

Âu-phục rất đúng «mốt»,
Ngoài đường quen chạy giông;
Biết bao chàng công-lữ?
Ta gọi « ma-cà-bông »!

Lắm ả nhà khuê-các,
Trông ra phết tiêu-thư;
Gái tơ ngựa nghề sớm!
Chỉ nói ngón viết thư.

Kia những nơi nào-nhiệt,
Hi-viện với ca-lâu;
Vui chơi nào mấy kẻ,
Ấy chỗ hẹn hò nhau.

Ban đêm quăng đường vắng,
Vài anh chị vắn-vơ;
Vợ chồng nhà ai đó?
Trai gái đi phát-phơ.

Nhiều ông cứ tối tối,
Vạn-thái với Khâm-thiên;

Say đắm ^đthầu sơn phấn,
Đi về ra lối quen.

Nhiều bà mẹ đồng-bóng,
Khăn áo sẫm bánh-bao;
Ông chổng ra khỏi cửa,
Bà cũng đi cho mau.

Nhiễm cái phong-trào mới,
Tự-sát thấy chan-chan;
Dưới nước hồ Hoàn-kiểm,
Dắt-diều bao hồn oan?

Nghìn năm đất văn-vật,
Hà-thành nguyên Thăng-long;
Cuộc đời lúc đời mới,
Văn-minh ta vẫn mong.

Song cứ văn-minh thế,
Ngồi nghĩ cũng lo âu;
Có ngày biển-cải hết,
Dã-man ta với nhau!

Tương-giảng-thị N. T.



Khuyến bạn xem báo

Bạn hiền ơi! Làm tài trai gặp hội
Á Âu, óc khôn đem chọi với năm châu
những bậc đại-aub-hùng.

Chớ loanh-quanh luẩn-quẫn chốn
khê-phòng, có tài có hạnh có tao-
phùng mới thật là hay.

Bạn hiền ơi! Muốn khôn thì phải có
thầy, có công mài sắt cũng có ngày
nên được cái kim.

Thầy phải tìm mà bạn cũng phải
tìm, báo-chương là người bạn tốt, mà
học-thuyết cổ-kim kia là một bậc thầy.

Bạn hiền ơi! Việc trên đời dở dở
hay hay, khôn khôn dại dại đã giải bày
trên mục báo-chương.

Có khoa chính-trị có đạo cương-
thường, có thang tiến-hóa bước lên
đường văn-minh.

Bạn hiền ơi! Trong báo-chương còn
lắm chuyện thần-tinh, ai tà, ai chính,
ai nhục, ai vinh, ai công-tâm với nước,
ai công-đức với đời, phù-trị nhân-loại,
bồi-thực nhân-tài là những ai ai?

Bạn hiền ơi! Việc trăm năm tóm lại
một hai bài, việc trong Đông-Pháp góp
chuyện ngoài năm châu.

Sân Hồng Lạc gió Mĩ mưa Âu, trắng
vàng, đen đỏ đem giãn cả một màu,
ông thợ nhuộm rất pho.

Bạn hiền ơi! Việc trong đời nhỏ
nhỏ to to, nông công thương sĩ cùng
hẹn-hò kẻ bắc người đông.

Chuyện gần xa trải khắp non sông,
in vào mảnh giấy mà tung ra bốn
phương trời.

Bạn hiền ơi! Chuốc lấy mà xem
xét đến tận nơi, chẳng hơn là rượu trè,
cờ bạc phí mất cái đời con cháu Rồng
Tiên.

Đó cũng là kinh ông thánh truyện
ông hiền, nghìn năm quốc-túy vẫn giữ
bền trong cõi Á-Đông.

Anh-hùng mới biết anh-hùng.

Vũ Bắc



THỜI-ĐÀM

TIN NƯỚC PHÁP

Giảm số viên-chức ngạch tư-pháp thuộc-địa.

Ông Pierre LAVAL, tổng-trưởng bộ thuộc-địa, đã xin chữ ký của quan Giám-quốc vào mấy đạo sắc-lệnh sửa đổi ngạch tư-pháp và giảm bớt viên-chức ngạch ấy, và các tòa-án ở Đông-dương, ở Antilles, Tây-phi-châu, Madagascar, Ấn-độ Pháp và Nouvelles Calédonies.

Việc quốc-phòng

Nước Pháp dự-dịnh một số tiền là ngót 3.000 triệu quan về việc quốc-phòng, và sang năm 1935 cũng phải tốn thêm 111 triệu quan nữa để xây đắp các đồn-lũy ở biên-giới cho hoàn-toàn. Quan Tổng-trưởng bộ Hải-quân có xin dự-xuất 825 triệu để lập những kho chứa dầu hỏa cho đội hàng-không dùng và bảo-thủ các duyên-hải. Quan Tổng-trưởng bộ Hàng-không định trong năm 1934 này bỏ ra 980 triệu để sắm thêm máy bay và đồ phụ-tùng cho đội Hàng-không.

Cuộc đấu-xảo Paris năm 1937

Ủy-ban tài-chính tại Hạ-nghi-viện đã ưng-chuẩn bản đề-án của Chính-phủ ấn-định về cuộc đấu xảo năm 1937. Cuộc đấu-xảo này sẽ tốn hết 300 triệu.

Việc Stavisky

Ông Bonnaure đổ lỗi cho ông Chautemps

Ông Nghị BONNAURE bị liên-can về vụ STAVISKY bị giam hãm lâu có khai trước ủy-ban điều-tra rằng nhiều lần ông đưa bài công-kích STAVISKY cho ông cựu thủ-tướng CHAUTEUPS xem để đăng báo, thì ông CHAUTEUPS đều gạt đi bảo đừng đăng. Ông CHAUTEUPS lại còn bảo với ông BONNAURE rằng khi nào không nên giao-thiệp với STAVISKY nữa thì ông sẽ bảo cho ông BONNAURE biết. Ông BONNAURE nói rằng vì thế nên ông mới giao-thiệp với STAVISKY.

Ông Doumergue ứng-cử vào viện

Hàn-lâm Khoa-học

Vì các bạn-hữu yêu-cầu nên ông DOUMERGUE đã ứng-cử và đã được bầu vào viện Hàn-lâm Khoa-học luân-lý và chính-trị thay ông Ferrand LAUDET.

Giải-thưởng Albert Londres

Albert LONDRES là một nhà phóng-viên rất có giá-trị của nước Pháp, sang Trung-quốc điều-tra về cuộc chiến-tranh Hoa-Nhật, chẳng may khi về nước bị chết cháy về nạn tàu G. Philipparr. Bạn láng văn Pháp thương-tiếc người bạn đồng-nghiệp có tài ấy nên mới đặt ra một giải-thưởng 5.000 quan thưởng cho một bài phóng-sự nào hay nhất trong một năm mà gọi là « giải-thưởng Abert Londres », để kỷ-niệm nhà phóng-viên trứ-danh ấy.

Năm nay giải-thưởng Albert Londres về hai bài phóng-sự: « *A l'île des Lézards géants* » và « *Chez les derniers moines russes* » của nhà văn-sĩ Stephane FAUGIER.

Một vụ trộm công-văn

Buồng giấy sớ mở tại hạt Sarre bị mất trộm nhiều công-văn quan-trọng về việc học. Người ta đoán việc trộm này có một mục-dịch chính-trị mà các giấy má bị mất tất đã đem qua cương-giới sang Đức, vì chỉ Đức có lợi-quyền ở hạt này trong lúc đang tranh-luận vấn-đề trung-cầu ý-kiến quốc-dân tại hội Vạn-quốc.

Các công-văn bị mất trộm này cần nặng chừng 200 cân, toàn là các giấy má về các viên-chức học-giới và tinh-thế trường học.

Bộ Ngoại-giao hiện mới biết qua-loa những tin-tức về vụ này thôi.

TIN NƯỚC MỸ

Mỹ muốn bỏ Phi-luật-tân.

Mỹ cho rằng nếu xảy ra cuộc chiến-tranh với Nhật thì không giữ nổi Phi-luật-tân, nên định rút hải-quân căn-cứ địa về phía đông Thái-bình-dương.

THỜI CỤC NƯỚC TÀU

Hình-thế nước Trung-hoa hiện nay miền bắc và miền nam đều có cơ nguy ngập. Người Nhật bấy lâu chỉ muốn tiến vào Trung-hoa để thực-hành cái chính-sách xâm-lược cho đạt cái hùng-dồ xưng bá cả Á-châu. Nhưng muốn tiến vào Trung-hoa thì phải dùng đến cái thủ-đoạn phân-hóa, chia hẳn nước Tàu ra làm từng cục-bộ thì việc vận-dòng mới dễ-dàng. Từ khi người Nhật chiếm đất Mãn-châu để lập thành ra Mãn-châu-quốc, thế là đã chia tách nước Tàu ra làm một « nước Mãn-châu » rồi. Nay lại muốn chia miền đông-bắc ra làm « nước Hoa-bắc », miền đông-nam ra làm « nước Hoa-nam » nữa.

Kem ngay như cái kế-hoạch đối với miền Hoa-bắc thì người Nhật hoạt-dộng lạ thường, một là làm cho mất các nơi hiểm-yếu, hai là xếp-đặt hình-thế đại-bao-vi, ba là gây thêm thế-lực ngầm. Nay người Nhật chiếm lấy các cửa ải ở Trường-thành, thế là đã làm

thành công được điều thứ nhất. Lại lợi-dụng Thích Văn-Bình tổ-chức ra Đông-Á đồng-minh-quân ở Sơn-hải-quan, kết-nạp bọn Hán-gian để tùy-nghi hoạt-dộng. Ngoài ra, lại lập ra hai ban nam nữ trình-thám về quân-sự, Hoàng-mộc-trung thủ-lang đứng đầu nam-ban, Xuyên-đảo Phương-tử thì đứng đầu nữ-ban, chia đi do-thám các nơi. Lại đặt ra cơ-quan trắc hội sông Hoàng-hà, cho biết chỗ nông chỗ sâu, thế công thế thủ.

Ấy cái chính-sách xâm lược miền Hoa-bắc, người Nhật đã bố-tri ra như thế. Nhưng người Nhật hiện nay có hai phái chủ-trương khác nhau. Phái quân-nhân bên ngoài thì định chiếm lấy ngay miền bắc mà lập ra nước Hoa-bắc, chứ không để mất thời-cơ. Phái người trong nước thì chủ-trương trước hãy đối-phó với Nga, chứ không cử-dộng gì vội.

Người Nhật cũng biết rằng nếu dùng

binh-lực mà lấy ngay miền bắc thì chưa thể được, nên trước hãy tinh về đường kinh-tế, yêu-cầu chính-phủ Trung-hoa phải thừa-nhận nước Mãn-châu mà giao-thông bưu-diện và mở lối đường xe lửa Bắc-bình cho lại chạy thông với nước Mãn-châu.

Đồng-thời đối với miền Hoa-nam, người Nhật cũng hoạt-dộng dữ, nào là yêu-cầu chính-phủ đông-nam dân-áp nhân-dân không cho đề-chế Nhật-hóa, nào là giúp ngầm cho bọn thổ-phỉ Phúc-kiến đề quấy rối miền Nam, lại thụ-y cho Trần Khâm-Xương lập ra hội Á-châu đồng-chí ở Hạ-môn, giả danh là bệnh vực người giống vàng, khiến cho người Tàu không hợp-tác với các nước Âu-Mĩ, để người Nhật được thừa-ơ hoạt-dộng.

Gần đây các quan Nhật lại sắp triệu-tập cuộc hội-ng nghị ở Đài-loan, tuy người Nhật nói là chỉ bàn cách bảo-thủ những quyền-lợi của Nhật ở các tỉnh miền nam, nhưng biết đâu lại không có mưu ngầm.

Cái âm-mưu cốt nhất là muốn chiếm lấy những quân-cảng trọng-yếu ở dọc bờ biển Hoa-nam, để làm nơi căn-cứ cho hải-quân sẽ tranh-đấu với Mĩ ở Thái-bình-dương sau này. Nên người Nhật đã lấy cớ Trung-quốc thiếu nợ những chín vạn vạn đồng, nếu không trả xong thì chiếu theo điều nào có nơi lấy đất cát và khoáng-sản để-áp, thì chính-phủ Tàu phải cắt nhường cho Nhật. Nhật sẽ chiếm lấy những nơi Mã-vĩ Hạ-môn ở về miền bờ Phúc-châu.

Ấy cái chính-sách của Nhật-bản đương tiến-hành ở Trung-hoa ngày nay, vì cái cơ đối Nga mà Nhật lập ra nước Mãn-châu, lại muốn lấn vào miền bắc mà lập ra nước Hoa-bắc. Lại vì cơ đối Mĩ mà người Nhật lại muốn

lấn cả đến miền đông-nam mà lập ra nước Hoa-nam. Người Nhật lấy cớ rằng Trung-hoa ngày nay hiện không có một chính-phủ nào có đủ thế-lực để mà đứng vững được, thì Nhật phải thực-hành cái thủ-đoạn phân-hóa mà chia tách Trung-hoa ra làm từng bộ cho dễ đường thống-trị.

Các báo Tàu có bình-phẩm một tin của một hãng thông tin tư của Tàu nói rằng Nhật sẽ có hai chính-sách khác hẳn nhau: 1) Đối với Nga, sau khi chiếm-cử Sát-cáp-nhĩ và Tuy-dương, rồi kéo theo dọc sông *Ourga* mà lên; 2) Đối Tàu thì chiếm-cử: a) Nội-Mông, Sát-cáp-nhĩ và Tuy-dương; b) Thiểm-tây Cam-lúc, Minh-hạ và *Koukounor*; c) Tân-cương; d) Hạ-bắc, Sơn-tây và Sơn-dông.

Nhật có kỳ-hạn cho chính-phủ Tàu đến cuối tháng *Mai* phải giao-thiệp các việc với nước Mãn-châu cho xong, bằng không ắt sẽ có chuyện. Vì vậy nên mới có việc khai hội-ng nghị Hoa-Nhật tại Sơn-hải-quan.

Xem những kế-hoạch kể như trên thì biết cái chính-sách chia cắt đất nước Tàu của người Nhật vẫn hoạt-dộng luôn như loại « chim nước », lúc nào cũng tiến-hành ngầm mà không ai biết.

Lo về mặt Hoa-nam thì vừa rồi Trần Tế-Đường ở Quảng-dông, Lý Tôn-Nhân ở Quảng-tây đã cùng điện cho Trương Đĩnh-Văn ở Phúc-kiến, nói bờ biển ba tỉnh dài quá, cần phải chú-y đến việc quốc-phòng, tức là đề-phòng người Nhật vậy.

Đối với mặt Hoa-bắc thì Tôn-Khoa có tuyên-bổ rằng:

« Gần đây cái tin đồn Trung-Nhật trực-tiếp giao-thiệp là tin đồn bậy, thực ra thì vô-luận dùng cách gì cũng

không thể giải-quyết được vấn-đề Trung-Nhật, vì cái điểm cốt-yếu là ở mặt Đông-bắc, Nhật đã không chịu trả lại Tàu 4 tỉnh về phía Hoa-bắc, thời những cái chi-tiết khác không tài nào giải-quyết được. Nhật phản-đối việc các nước hợp-tác với Tàu về mặt kỹ-thuật, rõ ra cái tâm-lý tự-tư tự lợi. Tàu là một quốc-gia tự-chủ, đâu phải cần đến nước Nhật lo giúp về chỗ ấy mà bảo Tàu hợp-tác với Quốc-liên thì thiệt cho Tàu...»

Ấy các ông Tàu lo việc nước Tàu chỉ là tuyên-bố mấy câu suông như thế là xong. Còn như Trương Học-Lương thì còn đi vận máy tàu bay cho vợ đi ngoạn cảnh Hảo-dương. Tống Tử-Vẫu thì còn đi du-lịch để nghiên-cứu việc buôn bán ở Thiềm-tây Cam-túc. Các tướng thất-bại như Trần Minh-Khu, Thái Đình-Khải thì đi xuất dương để còn khảo-sát quân-sự, ông Phùng thì khênh ở Thái-sơn, ông Diêm thì về ở Sơn-tây. Duy còn Tưởng Giới-Thạch thì nay Phúc-kiến mai Nam-xương, di tiêu-cộng mãi không xong, lại chán về quân-lính không được mấy người trung-thành với nước.

Nhân ngày kỷ-niệm chu-niên hành-doanh lĩnh Chương, Tưởng có diễn-thuyết đại-ý nói :

• Năm nay, về bốn tháng vừa qua, nước ta đã lấy tiến bộ. Các tướng-lính Sơn-tây chịu theo ý Trung-ương trừ diệt quân-đội của Tôn Điện-Anh để dẹp yên miền Tây-bắc; về mặt Đông-nam, trong một thời-gian rất ngắn có thể khu-trừ được những quân Phúc-kiến phản-nghịch.

Kể về quân-đội thì còn nước nào nhiều bằng nước Tàu nữa? Mà dân-số cũng còn nước nào nhiều bằng nước Tàu nữa? Đất cát rộng, sản-vật lại

250
nhiều, song quân-đội tuy nhiều người mà người có bụng trung-thành với nước thì rất ít. Vậy ngày nay ta phải nỗ-lực làm cho quân-đội toàn-quốc toàn là quân-đội chân-chính của quốc-gia, để vì nước dẹp bọn thô-phỉ và chống với giặc ngoại.

Nước Trung-hoa cũng có thể do tay ta làm cho phục-hưng lên được. Ta phải làm cho nước Tàu trở nên một quốc-gia kiên-toàn cường-cổ trong hiện-thời...»

Tưởng nói thì hăng-hái như vậy, nhưng người Tàu liệu có khỏi thất-vọng không? Nếu Tưởng chỉ tham mối tư-lợi mà chiếm lấy binh quyền, thì sao hay mong người nước đồng-tâm đồng đức mà làm cho nước Tàu phục-hưng lên được.

Nhật Nga dự-bị chiến-tranh

Người Nhật cho đắp gấp những con đường tự Cổ-nguyên tới Đa-luân cho xong hết cả, để tiện việc chuyên chở binh-linh và khí-giới lên mặt giáp Nga.

Bởi vậy nên Nga cũng giúp cho người Mông-cổ để dự-bị mọi việc.

Người Mông-cổ vì thấy hai nước Nhật Nga dự-bị chiến-tranh càng ngày càng khẩn-cấp, nếu đến khi chiến-tranh nổ bùng ra, miền Ngoại-Mông tất bị giầy vò, vì muốn phòng bị trước cái tại ấy, một mặt thực-hành chế-độ trung-bình, ra sức huấn-luyện; một mặt tiếp-nhận người Nga giúp đỡ khí-giới cho việc quân-bị được đầy đủ. Mà người Nga cũng sợ đến lúc phải đánh nhau với Nhật, người Mông bị Nhật lợi-dụng quấy rối mặt sau, nên cố cấu-kết với Mông-cổ, đến lúc cần ra khiến người Mông-cổ khiến-chế nước Mãn-châu để giữ phần được.

VIỆC TRONG NƯỚC

Nghị-định bổ thêm vào lệ hưu-bổng. — Theo khoản thứ 3 đạo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 31 Octobre 1930 thêm vào khoản 16 đạo nghị-định ngày 29 Décembre 1913: Kể từ ngày mồng 1 Janvier 1931 về sau, các viên-chức nào làm việc tại các công-sở, không hạn mấy năm, chẳng may ỉa-thế, thì vợ góa con cô được xin đòi lại tiền của chồng hoặc cha đã gửi ở sở Hưu-bổng.

Kể từ ngày mồng 1 Janvier 1931, các viên-chức nào làm việc ít ra đã mười năm, tự-nhiên xin thôi chức không phải cách-chức, cũng có thể xin đòi lại số tiền trong khi làm việc đã gửi tại sở Hưu-bổng. Nếu xin tái-bổ mà muốn được hưởng cả niên-hạn trước, thì hạn trong ba tháng (kể từ ngày được tái-bổ) phải nộp số tiền trước đã lĩnh ở sở Hưu-bổng.

Lộ-phí và phụ-cấp lưu-trú của các viên-chức ngạch lương mới. — Ngày 30 Avril, quan quyền Toàn-quyền GRAFFEGIL có thông-tư cho các quan thủ-hiến các xứ và các quan đầu tòa thuộc quyền phủ Toàn-quyền, định rõ về tiền tầu, tiền phụ-cấp lưu-trú và lộ-phí của các viên-chức ngạch lương mới sẽ theo trật mà kể ngang với các viên-chức ngạch lương cũ. Còn đối với các chức-vụ mới đặt ra không thể tương đương được trong ngạch lương cũ, thì các khoản kê trên sẽ kém một trật dưới các viên-chức ngạch cũ.

Giấy bạc 5 đồng kiểu mới. — Nhà Đông-Pháp ngân-hàng đã lưu-thống thứ giấy bạc 5 đồng kiểu mới dài 140 li, rộng 91 li, khác với thứ giấy bạc (con công) cũ dài 178 li, rộng 92 li. Các thể-sắc đều khác với giấy bạc cũ.

Vấn-đề tiền-tệ ở Đông-duơng. — Tin Paris 12 Mai, trong Quan-báo có đăng rằng đạo Sắc-lệnh ngày 8 Juillet 1895 định về mọi thể-lệ của đồng bạc Đông-duơng, nay thêm vào một điều rằng có cả hai hạng đồng tiền nhỏ một phần hai ($\frac{1}{2}$) và một phần tư ($\frac{1}{4}$) của đồng xu nữa. Thể-lệ đúc những tiền ấy thế nào sẽ do quan Toàn-quyền Đông-duơng bàn cùng hội-đồng Chính-phủ, rồi ra nghị-định.

Tiền trình Bảo-đại phát-hành lần thứ sáu. — Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã có lệnh cho đem lưu-thông tiền trình Bảo-đại lần thứ sáu này nữa là 9.990.000 đồng.

Hội-đồng lập quỹ Paul Doumer. — Chiều 11 Mai, hội-đồng lập « quỹ Paul Doumer » đã họp tại phủ Thống-sứ, do quan Giám-đốc chính-trị BRIDE chủ-tọa, các ông Hội-viên Tây Nam tới họp có gần 30 người. Hội-đồng định ngoài số tiền quyền lấy vào các ngân-sách Đông-duơng, ngân-sách Bắc-kỳ và ngân-sách hàng lính, quỹ Paul Doumer lại phải trông vào cuộc đánh số lớn chung cả Đông-duơng, định tiền đánh số thu vào quỹ là 200.000 đồng, nhưng còn phải hỏi ý-kiến Chính-phủ các xứ trong cõi Đông-duơng và phải do quan Toàn-quyền chuẩn-y rồi mới mở cuộc.

Quỹ Paul Doumer mỗi năm sẽ trích tiền lãi ra làm giải thưởng cho học trò bậc cao-học, giải thưởng khuyến-kích về kĩ-thuật và phân-phát cho các công cuộc làm phúc.

Định số tiền các ngân-sách phải quyền vào quỹ Paul Doumer như sau này:

Pủ Toàn-quyền 1.000 đồng, Chính-phủ Nam-kỳ 1.000 đồng, các thành-

phố, các tỉnh và các xã xứ Nam-kỳ từ 4 đến 5.000 đồng. Chính-phủ Bắc-kỳ 700 đồng; quan Thống-sứ định thêm 3.00 đồng nữa do quỹ các thành-phố và các tỉnh phải chịu như sau :

Hà-nội 570 đồng, Hải-dương (thành-phố) 20 đồng, Hải-phòng 345 đồng, Nam-dịnh (thành-phố) 95 đồng, Bắc-giang 90 đồng, Bắc-cạn 40 đồng, Bắc-ninh 135 đồng, Cao-bằng 70 đồng, Hà-đồng 140 đồng, Hà-giang 30 đồng, Hà-nam 70 đồng, Hòa-bình 25 đồng, Hưng-yên 90 đồng, Kiến-an 70 đồng, Lạng-son 70 đồng, Lao-kay 35 đồng, Nam-dịnh 105 đồng, Ninh-binh 75 đồng, Phú-thọ 90 đồng, Phúc-yên 45 đồng, Quảng-yên 50 đồng, Sơn-la 30 đồng, Sơn-tây 80 đồng, Thái-binh 145 đồng, Thái-nguyên 60 đồng, Tuyên-quang 50 đồng, Vĩnh-yên 66 đồng, Yên-bái 45 đồng, Mong cay 40 đồng, Lai-châu 30 đồng.

Giảm tiền lãi ở Đông-dương. — Sắc lệnh quan Giám-quốc ngày 17 Mai 1934 giảm lệ lấy lãi ở Đông-dương từ năm 1914 về nhà nước được lấy 8 phần trăm, nay giảm xuống 5 phần trăm; về dân-sự được lấy 12 phần trăm, nay giảm xuống 8 phần trăm.

Số gạo xuất-cảng và số tiền bán được trong bốn năm nay ở Nam-kỳ. — Theo bảng thống kê ở Nam-kỳ số gạo xuất-cảng và số tiền bán được trong bốn năm vừa qua như sau này :

Năm	Gạo xuất cảng	Bán được tiền
1930	1.220.000 tấn	115 triệu đồng bạc.
1931	0.961.000 —	63 —
1932	1.191.000 —	61 —
1933	1.220.000 —	45 —

Giảm bớt quan-chức ngạch tư-pháp Đông-dương. — Theo đạo Sắc-lệnh ngày 19 Mai, sửa đổi lại ngạch Tư-pháp Thuộc-địa, sẽ bãi những

quan-chức sau này trong ngạch Tư-pháp Đông-dương :

Tại tòa Thượng-thẩm Sài-gòn : Bãi hai quan tham-nghị hạng nhất và một quan quyền Phó Chương-lý.

Tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội : Bãi một quan tham-nghị, một quan Phó Chương-lý và một quan quyền Phó Chương-lý.

Tại tòa án đệ-nhất-cấp Hà-nội : Bãi hai quan tham-phán và hai quan tham-phán hòa giải có quyền rộng ở *Vientiane* và *Fort Bayard*; bãi 14 chức tham-phán hòa-giải dự-khuyết hạng nhất tại tòa án Tây-ninh.

Các tòa sơ-cấp Trà-vinh, Rạch-giá, Bến-tre, Châu-đốc, Bắc-liêu nay dời ra tòa án hòa-giải có quyền rộng hạng nhất. Lại đặt thêm một chức dự-thẩm đệ-nhất-cấp ở Sài-gòn và 13 chức tham-phán hạng ba thuộc quyền tòa Thượng-thẩm Sài-gòn, để bổ-dụng cũng như các quan tham-phán dự-khuyết khác.

Một nơi nghỉ mát nữa ở Trung-kỳ. — Năm nay nhà nước mới cho mở thêm một nơi nghỉ mát-nữa cao 1.400 thước tại Bana ở khoảng giữa Trung-kỳ, hiện đã có một khách-sạn rất lịch-sự và nhiều nhà nghỉ mát. Từ Bana cách Tourane đi bốn tiếng đồng hồ và cách Huế bảy tiếng đồng hồ.

Khánh-thành trường học dạy người câm điếc. — Ngày 21 Mai, đức Giám-mục DUMORTIER đã làm lễ ban phước khánh-thành cho trường học dạy những người câm điếc tại Lai-thiền thuộc Sài-gòn. Lại làm lễ khánh-thành pho tượng bán-thân cổ AYEMAR là người sáng-lập ra việc dạy hai hạng người câm điếc này.

Những dấu-tích đồng bạc giả khác với bạc thật. — Vì độ này bắt được nhiều đồng bạc giả lưu-thông

trong cõi Đông-dương, nên số tiền-tệ ở Paris xét đồng bạc giả có nhận ra mấy dấu-tích khác với đồng bạc thật đại-khai như sau này :

1) Đem cân thì thấy nặng từ 19 g. 15 đến 19 g. 98.

2) Chất bạc đúng với bạc thật có 900 phần nghìn nguyên-chất bạc. Nhưng có thấy hai đồng nhiều chất bạc hơn là 947,9 và 917,6 phần nghìn.

3) Nét chạm không được nổi bằng đồng bạc thật ; ở mặt trái chung-quanh chữ « 1 piastre » và chữ đề số năm thấy mờ không được rõ.

4) Những nét thích răng hay chấp đôi và nổi gợn lên.

5) Lật đồng bạc từ tả sang hữu hoặc hữu sang tả xem chữ hai mặt đều thấy xuôi ; đồng bạc thật thì một mặt xuôi chữ một mặt ngược chữ.

6) Sắc đồng bạc giả xám-xám khác đồng bạc thật.

7) Dấu hiệu của nhà điêu khắc và của sở chế tiền-tệ (dàng sau đồng bạc) ở trên đồng bạc giả thì lờ không rõ.

Những thứ bạc nào dùng bạc cũ mà chế ra, thường còn trông thấy một phần các nét khắc của bạc cũ cũng là bạc giả.

Hai người Nam được sung chức thư-ký văn-phòng quan Toàn-quyền. — Ông Neuyễn Tiến-Lãng, Tham-tá tòa kiểm-đuyệt Nam-bảo phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, nay được quan Toàn-quyền Robis cử làm thư-ký văn-phòng của Ngài.

Ông Lê Thành-Tước, trước làm thư-ký văn-phòng tòa Khâm sứ Trung-kỳ, nay được quan phó Toàn-quyền CHATEL cử làm thư-ký văn-phòng giúp việc Ngài.

Cải-chính

Nam-phong số 196 ra ngày 16 Mai 1934, trong truyện ngắn « Người thím nuôi » trang 355 dòng 29, gần cuối bài, thợ in sắp lầm chữ Đông ra chữ Dong và mất chữ Xuyên, xin đọc là Đông xuyên cho đúng.

NAM-PHONG TÙNG-THU

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tường Lôi-xích.

giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp : | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (lu lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-dao. | 4 hào. |



Mục-dịch báo Nam-Phong

Mục-dịch báo *Nam-Phong* là thể cái chủ-nghĩa khai-hóa của Chính-phủ, biên-tập những bài bằng quốc-văn, Pháp-văn, để giúp sự mở-mang trí-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân An-Nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-lồn quốc-lúy của nước Việt-Nam ta, cùng bênh-vực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo *Nam-Phong* lại chủ-y riêng về sự tập-luyện văn quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn An-Nam.

Các ngài có bụng yêu bản-báo muốn tán-thành cái mục-dịch trên kia, ra công giúp cho, hoặc giúp về đường lý-tài, hoặc giúp về đường ngôn-luận, bản-báo xin cảm ơn.

Báo *Nam-Phong* nhận cả các bài nghị-luận văn-chương, khảo-cứu, bằng quốc-văn, Pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lệ trả lại bản thảo.

Sở phát-hành : Imprimerie Lê Văn-Phúc, 80 rue du Chanvre, Hanoi.

Téléphone : 49.

Giá báo

Một năm (24 số) 6\$00 Nửa năm (12 số) 3\$00 Mỗi số 0\$25

Đổi chỗ ở : 0\$20

Lệ mua báo trả tiền trước.

Ai mua báo, trả tiền báo, hoặc thư-từ gì về việc gửi báo, bán báo, đăng cáo-bạch v. v., xin viết thư cho ông Lê Văn-Phúc chủ nhà in Đông-kinh, Imprimerie Tonkinoise, 80-82 Phố Hàng Gai (Rue du Chanvre Hà-nội), gửi mandat trả tiền cũng xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thâu-nhận.

Lời rao eãn

Các ngài mua Nam-Phong đến số nào là hết hạn, thì mỗi khi gửi báo đã đề rõ ngoài băng.

Khi gửi đến tập báo cuối cùng — đến tập ấy là hết hạn — thì ngoài băng lại có dấu « Hạn báo của ngài số này là hết » và trong tập báo có cài sẵn một tờ « Giấy mua Nam-Phong » để tiện nhắc các ngài mua tiếp hạn khác.
